



Mục lục

SỰ KIỆN

3 VÕ VĂN THƯỜNG:

Những vấn đề có tính quy luật trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

11 ***:

Một số vấn đề nhận thức lý luận - thực tiễn cần làm rõ phục vụ xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị và các văn kiện Đại hội XIII của Đảng

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

30 NGUYỄN VIẾT THÔNG:

Bài học Cách mạng Tháng Tám về công tác xây dựng Đảng và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc

37 NGUYỄN HỒNG SƠN:

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập ở Việt Nam

46 VƯƠNG NHẤT MINH:

Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là đột phá lớn của kinh tế chính trị học chủ nghĩa Mác

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

54 Một số kết quả hội thảo Lý luận lần thứ 3 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với Đảng Cộng sản Pháp

61 Tọa đàm “Mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025 và 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

64 Hội thảo Lý luận lần thứ VII giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào

67 Đoàn Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng làm việc với Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

69 Việt Nam - Canada trao đổi kinh nghiệm tổ chức, quản lý nhà nước

71 Tọa đàm khoa học “Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay”



NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ TÍNH QUY LUẬT TRONG XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

● **VÕ VĂN THƯỜNG**

*Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng,
Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đã hình thành một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân Việt Nam, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử. Đây là chân lý đã được thử thách và kiểm nghiệm trong thực tiễn đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam gần 90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để

thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Và, cũng chỉ có xây dựng chủ nghĩa xã hội thì mới thực sự có độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Chính nhờ sự kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mà Đảng Cộng sản Việt Nam hình thành được một hệ thống quan điểm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức ngày càng rõ hơn các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng.

Từ sáu đặc trưng được nêu trong Cương lĩnh năm 1991, trải qua thực tiễn của 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, Đảng Cộng sản Việt Nam đã bổ sung, phát triển thành tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, được nêu ở Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Đó là: Một, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; Hai, do nhân dân làm chủ; Ba, có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; Bốn, có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Năm, con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; Sáu, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; Bảy, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; Tám, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Xác định quyền làm chủ của nhân dân là đặc trưng nổi bật, thể hiện rõ mục tiêu, bản chất của chủ nghĩa xã

hội. Bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được thể hiện ở quyền làm chủ về kinh tế của nhân dân (bản chất kinh tế), ở xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (bản chất chính trị), ở xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (bản chất văn hóa); bản chất, mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam còn hướng tới con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Xác định Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân là một đặc trưng quan trọng của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân Việt Nam xây dựng, đáp ứng yêu cầu phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, thông qua sự ủy quyền và kiểm soát quyền lực của nhân dân.

Tám đặc trưng được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vừa phản ánh quan niệm tổng quát về chủ nghĩa xã hội, vừa làm rõ những vấn đề cốt lõi mang tính bản chất trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trải qua quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tám đặc trưng đó sẽ từng bước được định

hình hoàn thiện, phát triển, bảo đảm yêu cầu phát triển bền vững chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hai là, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: Xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Đến giữa thế kỷ XXI, xây dựng Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, toàn Đảng, toàn dân Việt Nam sẽ luôn nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng và trí tuệ, tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, quán triệt và thực hiện tốt tám phương hướng cơ bản sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với

phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. *Hai là, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ba là, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bốn là, bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Năm là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Sáu là, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. Bảy là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tám là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.*

Các phương hướng nêu trên định hướng phát triển tổng quát các mặt, *các lĩnh vực của đời sống xã hội phù hợp với mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.* Thực hiện tám phương hướng cơ bản đó tạo cơ sở để đạt được tám đặc trưng của xã hội xã hội

chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là quan hệ giữa định hướng xã hội chủ nghĩa với định hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, được thực hiện trong một quá trình lâu dài, phản ánh đúng đặc điểm, yêu cầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là những tất yếu có tính quy luật đối với Việt Nam.

Ba là, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức và từng bước giải quyết các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật phát triển chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định, trong quá trình thực hiện tám phương hướng cơ bản, phải đặc biệt chú trọng nắm vững, quán triệt và xử lý tốt các mối quan hệ lớn, đó là:

- Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển;
- Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;
- Quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;

- Quan hệ giữa Nhà nước và thị trường;

- Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;

- Quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;

- Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;

- Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Chín mối quan hệ lớn tồn tại khách quan trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Các mối quan hệ lớn trên gắn với các đặc trưng xã hội xã hội chủ nghĩa, các phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội, tạo thành hệ thống quan điểm lý luận chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, phản ánh những vấn đề có tính quy luật của đổi mới - phát triển - công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, trong bối cảnh thời đại.

Việc xác định chín mối quan hệ lớn nêu trên đánh dấu một bước tiến mới về tư duy lý luận của Đảng Cộng

sản Việt Nam về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. *Chúng tôi xác định chín mối quan hệ lớn đó là những vấn đề có tính quy luật trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

Thứ nhất, việc nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn đã gắn liền với nhận thức và từng bước hoàn thiện các đặc trưng bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa và các phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; góp phần vào sự hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội, thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong điều kiện mới.

Thứ hai, việc nhận thức và giải quyết đúng các mối quan hệ lớn đó đã tạo ra bước chuyển biến mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Việt Nam đã khắc phục được cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, thoát khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công

ngiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, giữ vững được vai trò lãnh đạo của Đảng, sự ổn định về chính trị - xã hội. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường.

Thứ ba, việc nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn thể hiện tư duy biện chứng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, tính đúng đắn trong đường lối của Đảng khi đưa ra những quyết sách phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn. Nó cũng khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân, vai trò quản lý của Nhà nước và việc phát huy quyền làm chủ thực chất của nhân dân.

Công cuộc đổi mới của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có nghĩa lịch sử. Đất nước có sự phát triển mạnh mẽ hơn. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt cả về vật chất và tinh thần. Tiềm lực phát triển của đất nước và sức mạnh tổng hợp quốc gia được tăng cường.

Mặc dù, công cuộc đổi mới của Việt Nam cũng còn nhiều hạn chế, khó khăn, phải kiên quyết khắc phục để đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn, nhưng những thành tựu đã đạt được khẳng định đi lên chủ nghĩa xã hội là phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại.

Từ những thành tựu cũng như những hạn chế, khuyết điểm, Đảng Cộng sản Việt Nam tổng kết được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu để tiếp tục hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2. Một số nhiệm vụ, giải pháp cơ bản trong giai đoạn hiện nay

Bối cảnh mới trên thế giới và khu vực, sự tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học - công nghệ, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, đang đặt ra cho sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa những yêu cầu hết sức mới mẻ, chưa từng có, đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải tiếp tục đổi mới nhận thức, nỗ lực phấn đấu mạnh mẽ, sáng tạo hơn, tận dụng thời cơ, vượt qua khó

khăn, thử thách, để đưa Việt Nam tiếp tục phát triển, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện thành công mục tiêu chiến lược được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ, cần phải tiếp tục hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn trong tình hình mới.

Trên cơ sở lý luận và tiếp tục hoàn thiện lý luận về chủ nghĩa xã hội con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam tập trung xây dựng và triển khai thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong giai đoạn hiện nay:

Một là, phát triển kinh tế nhanh và bền vững; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn

mới; phát triển kinh tế tri thức, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ của các ngành, lĩnh vực; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương, công khai, minh bạch trong quản lý kinh tế, năng lực quản lý của Nhà nước và năng lực quản trị doanh nghiệp.

Ba là, đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ; phát huy vai trò quốc sách hàng đầu của giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Bốn là, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và

bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Năm là, quản lý tốt sự phát triển xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội; thực hiện tốt chính sách với người có công; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống của nhân dân; thực hiện tốt chính sách lao động, việc làm, thu nhập; xây dựng môi trường sống lành mạnh, văn minh, an toàn.

Sáu là, khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Bảy là, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân vững chắc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ưu tiên hiện đại

hóa một số quân chủng, binh chủng, lực lượng.

Tám là, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

Chín là, hoàn thiện, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân; không ngừng củng cố, phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường sự đồng thuận xã hội; tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Mười là, tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh; hoàn thiện hệ thống pháp luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; phát huy dân chủ, tăng cường trách

nhiệm, kỷ luật, kỷ cương; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tệ nạn xã hội và tội phạm.

Mười một là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, coi trọng công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ; tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác kiểm tra, giám sát và công tác dân vận của Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Mười hai là, tiếp tục hoàn thiện nhận thức và xử lý hiệu quả các mối quan hệ lớn, bảo đảm công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được tiến hành theo đúng quy luật khách quan, phù hợp với điều kiện, yêu cầu của từng giai đoạn phát triển của đất nước ■

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẬN THỨC LÝ LUẬN - THỰC TIỄN CẦN LÀM RÕ PHỤC VỤ XÂY DỰNG DỰ THẢO BÁO CÁO CHÍNH TRỊ VÀ CÁC VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

1. Về dự báo bối cảnh tình hình, thời cơ và thách thức đối với đất nước ta trong những năm tới (tới 2025 và 2030)

- Trên thế giới, trong những năm tới, hòa bình, hợp tác, phát triển, toàn cầu hóa vẫn là xu thế lớn, nhưng tình hình chính trị, an ninh và kinh tế sẽ diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp. Chiến tranh, khủng bố, người tỵ nạn, bất ổn chính trị vẫn xảy ra ở nhiều nơi. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch nổi lên ở nhiều nước gây nên những chia rẽ, bất ổn trong quan hệ quốc tế, ảnh hưởng tới thương mại, đầu tư, phát triển của kinh tế thế giới. Tăng trưởng kinh tế thế giới có

xu hướng suy giảm. Sự cạnh tranh, đấu tranh giữa Mỹ và Trung Quốc về vai trò “lãnh đạo thế giới”, về vai trò chủ đạo, chi phối việc thiết lập các thể chế, các quan hệ chính trị, an ninh, kinh tế quốc tế, có tác động, ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình thế giới và khu vực, nhất là khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, buộc các nước phải điều chỉnh chiến lược, tạo nên những sự tập hợp lực lượng mới, tạo ra nguy cơ gây bất ổn trên quy mô toàn cầu.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 sẽ tiếp tục tác động sâu sắc, mạnh mẽ, toàn diện đến sự phát triển kinh tế, xã hội thế giới, tạo ra những ngành, lĩnh vực mới, phương thức sản xuất kinh doanh mới, làm thay

đổi tổ chức và sinh hoạt xã hội, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, nhất là đối với những nước kinh tế kém phát triển. Kinh tế thế giới có những điều chỉnh, cơ cấu lại để chuyển sang một nền tảng công nghệ mới.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á sẽ vẫn tiếp tục là khu vực phát triển năng động, địa bàn cạnh tranh, tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn. Tổ chức ASEAN duy trì được vai trò quan trọng trong việc bảo vệ hòa bình, ổn định trong khu vực, nhưng sự thống nhất nội khối chịu tác động tiêu cực từ sự lôi kéo, tác động của các nước lớn, gây trở ngại tới việc có tiếng nói chung của khối đối với những diễn biến ngày càng phức tạp trên Biển Đông do những hành vi ngày càng quyết đoán khẳng định chủ quyền của Trung Quốc.

Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh gây ra những thiệt hại ngày càng lớn, những hậu quả ngày càng nghiêm trọng đối với sự ổn định, phát triển trên thế giới. Cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia phải đối phó ngày càng

quyết liệt với nhiều đe dọa an ninh mang tính toàn cầu như nhiệt độ tăng lên, nước biển dâng, ô nhiễm không khí, nguồn nước, ô nhiễm các đại dương, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh thông tin...

- Ở trong nước, với những thành tựu đạt được sau 35 năm đổi mới, trực tiếp là những kết quả gần 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, thế và lực, uy tín quốc tế của đất nước tăng lên. Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN cùng với các thể chế phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, đổi mới hệ thống chính trị được xây dựng, hoàn thiện ngày càng đồng bộ; kinh tế vĩ mô ổn định, nền kinh tế tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; việc đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, đổi mới hệ thống chính trị đồng bộ với đổi mới kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện. Đây là cơ sở, điều kiện thuận lợi để đất nước tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, ổn

định kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, tốc độ tăng trưởng kinh tế không ổn định, thậm chí có xu hướng suy giảm. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế chậm, kết quả đạt được còn hạn chế; năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp, chậm được cải thiện; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế còn đặt ra nhiều vấn đề cần phải giải quyết; tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái đạo đức trong một bộ phận cán bộ, công chức chưa được ngăn chặn, đẩy lùi một cách cơ bản. Đây sẽ là những khó khăn đòi hỏi phải được giải quyết trong những năm tới.

Tình hình trong nước, thế giới và khu vực tạo ra cho đất nước ta cả những thời cơ và thách thức đan xen nhau. Toàn cầu hóa và sự hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước, nhất là trong những năm tới, nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với các đối tác lớn như CPTPP, EVFTA, RCEP... có hiệu lực, đi vào thực hiện, sẽ tạo ra cơ hội lớn cho đất nước mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư, khoa học - công nghệ cho

đất nước phát triển; đồng thời cũng đặt đất nước trước thách thức cạnh tranh gay gắt với hàng hóa, dịch vụ của nước ngoài ngay trên thị trường Việt Nam, nguy cơ chịu sự tác động nhanh chóng, trực tiếp từ những biến động kinh tế từ bên ngoài và phụ thuộc nhiều hơn vào bên ngoài. Cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc cũng tạo ra cho nước ta cả cơ hội và thách thức; cơ hội đón nhận được nhiều hơn đầu tư nước ngoài và đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Mỹ, thị trường Trung Quốc; đồng thời cũng tạo ra cho nước ta thách thức bị Mỹ áp thuế cao nếu không kiểm soát được hàng hóa nước ngoài núp bóng hàng Việt Nam xuất khẩu vào Mỹ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra thời cơ cho đất nước ta phát huy tiềm năng trí tuệ của con người Việt Nam và những thành tựu phát triển lĩnh vực giáo dục - đào tạo của đất nước nhiều năm qua để phát triển mạnh mẽ, thu hẹp khoảng cách với các nước phát triển, nhưng đồng thời cũng đặt nước ta trước thách thức, nguy cơ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở những công đoạn có trình độ công nghệ

thấp, giá trị gia tăng thấp, trở thành “bãi rác công nghệ”, tụt hậu xa hơn so với các nước phát triển. Hiện nay, Việt Nam đang ở thời kỳ dân số vàng, đây là thuận lợi lớn. Tuy nhiên, dân số Việt Nam đang già nhanh, chỉ trong vòng hơn 10 năm nữa, nếu Việt Nam không tận dụng được thời kỳ dân số vàng để phát triển thì nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình là rất lớn. Việt Nam còn là một trong những quốc gia được dự báo chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu toàn cầu. Ứng phó, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu để ổn định, phát triển là thách thức lớn đối với đất nước.

2. Quan điểm phát triển đất nước trong những năm tới

Quan điểm phát triển có ý nghĩa rất quan trọng định hướng cho việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước. Hội đồng Lý luận Trung ương xin đề xuất quan điểm phát triển đất nước trong nhiệm kỳ Đại hội XIII để đưa vào Báo cáo chính trị là:

- Vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập

dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy cao độ tinh thần yêu nước, niềm tin vào sức mạnh và ý chí dân tộc, tự chủ, tự cường, đổi mới sáng tạo, phát triển đất nước nhanh và bền vững, phấn đấu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát triển đất nước nhanh và bền vững, bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết; phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là then chốt; xây dựng, phát triển văn hóa, con người là mục tiêu, nền tảng tinh thần, động lực phát triển; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả đối ngoại và hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng cần kiên định ý chí độc lập, tự chủ và nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ ngoại lực, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại. Phát huy mọi nguồn lực tổng hợp phục vụ sự nghiệp xây

dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- Khởi dậy khát vọng, ý chí tự cường dân tộc và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh phát triển, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực phát triển mới. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, hiện đại, hiệu suất cao, thân thiện với môi trường đi đôi với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao sức chống chịu và khả năng thích ứng của nền kinh tế, tạo nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững, sớm thu hẹp và bắt kịp các quốc gia phát triển.

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tinh gọn, hoạt động

hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về mô hình tổng quát phát triển đất nước trong những năm tới

Đại hội IX của Đảng (2001) xác định nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, đây mới chỉ là mô hình tổng quát về lĩnh vực kinh tế, chưa phải là mô hình tổng quát phát triển đất nước. Trong Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về các Văn kiện Đại hội XII do đồng chí Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng trình bày có nêu rõ “Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; trong đó, phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hóa, con người làm nền tảng tinh thần; tăng

cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên” (Văn kiện Đại hội XII, tr.17).

Hội đồng Lý luận Trung ương xin kiến nghị Đại hội XIII cần xác định mô hình tổng thể phát triển đất nước trong những năm tới, tạo thuận lợi hơn cho việc thống nhất nhận thức và công tác lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, chính quyền các cấp. Mô hình tổng thể phát triển đất nước phải thể hiện được bản chất và định hướng phát triển của đất nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, các tọa đàm, hội thảo của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia, nhà khoa học, Hội đồng Lý luận Trung ương đề xuất *“Mô hình tổng thể phát triển đất nước ta trong những năm tới là có nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; có sự quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; trong đó phát triển kinh tế, xã hội, bảo*

vệ môi trường là trung tâm; xây dựng, phát triển văn hóa, con người là mục tiêu, nền tảng tinh thần, động lực phát triển; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên; hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

4. Về mục tiêu phát triển đất nước tới năm 2025, 2030 và 2045

Trong quá trình tham gia chuẩn bị dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng, Hội đồng Lý luận Trung ương thu nhận được hai loại ý kiến về mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025, 2030 và 2045. Một loại ý kiến bám sát quan điểm đã được nêu trong Cương lĩnh 2011, các nghị quyết Đại hội và nghị quyết Trung ương trong thời kỳ đổi mới, nhất là từ Đại hội VIII (1996) của Đảng đến nay, đề xuất các mục tiêu phát triển đất nước trong những năm tới là:

- Đến năm 2025: nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đến năm 2030: nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đến năm 2045: nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng XHCN.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng hiện nay hầu hết các nước và các tổ chức quốc tế đều không phân loại các nước trên thế giới thành nước công nghiệp hay nước công nghiệp hiện đại, mà phân loại các nước thành nước phát triển, đang phát triển, kém phát triển hay thành nước có thu nhập thấp, có thu nhập trung bình (trung bình thấp và trung bình cao) và có thu nhập cao. Nước ta đã hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, vì vậy, cần phải đề ra mục tiêu phấn đấu theo các chuẩn mực phổ biến trên thế giới; từ đó, đề xuất mục tiêu phát triển đất nước trong những năm tới là:

- Đến năm 2025: nước ta vượt qua ngưỡng nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: nước ta là nước đang phát triển có thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Hội đồng Lý luận Trung ương thấy rằng, Đại hội XIII cần phải quán triệt quan điểm của Cương lĩnh, kế thừa

quan điểm của các đại hội trước; quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng là đúng đắn. Mặc dù các tổ chức quốc tế không phân loại các nước thành nước công nghiệp hay công nghiệp hiện đại, nhưng vẫn cảnh báo các nước đang phát triển về nguy cơ “giải công nghiệp hóa” quá sớm sẽ không thể phát triển bền vững. Đồng thời, Hội đồng Lý luận cũng đồng tình với ý kiến cho rằng nước ta đã hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, việc xác định mục tiêu phát triển cũng cần phải chú ý tới các chuẩn mực theo thông lệ quốc tế. Do đó, Hội đồng Lý luận xin đề xuất mục tiêu phát triển đất nước trong những năm tới là:

- Đến năm 2025: nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt ngưỡng nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030: nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: nước ta trở thành nước phát triển, công nghiệp hiện đại, có thu nhập cao, theo định hướng XHCN.

5. Về vai trò, định hướng phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình doanh nghiệp; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể từng bước trở thành nền tảng, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đều tự chủ, hoạt động theo cơ chế, các nguyên tắc của thị trường, tuân thủ pháp luật, được đánh giá, tôn vinh trên cơ sở năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

Kinh tế nhà nước bao gồm các nguồn lực kinh tế thuộc sở hữu nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước. Kinh tế nhà nước có vai trò là công cụ, lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước (cùng với các công cụ luật pháp, cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch) định hướng, điều tiết, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội đất nước, giữ vững ổn định

kinh tế vĩ mô, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường. Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được phân bổ theo cơ chế thị trường, thông qua đấu thầu cạnh tranh, công khai, minh bạch với sự tham gia của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; nhưng, đồng thời, phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, chiến lược phát triển đất. Nhà nước sử dụng các nguồn lực kinh tế của mình để đặt hàng, định hướng doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của Nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; những lĩnh vực mà doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác không đầu tư. Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác theo quy định của pháp luật. Khi các ngành, lĩnh vực, địa bàn này không nhất thiết cần phải có doanh nghiệp nhà nước thì Nhà nước thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp để các thành phần kinh tế khác tham gia, chuyển

vốn nhà nước đầu tư vào những lĩnh vực cần phải có doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy, định hướng phát triển nền kinh tế.

Kinh tế tập thể, dưới hình thức phổ biến là các hợp tác xã, được thành lập trên cơ sở liên kết tự nguyện của những người sản xuất nhỏ (các hộ gia đình, doanh nghiệp nhỏ) trong các lĩnh vực, được Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ hoạt động, phát triển (hỗ trợ vay vốn, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm, đào tạo cán bộ...). Các tổ chức kinh tế tập thể, các hợp tác xã làm dịch vụ cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ sản xuất cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh của các thành viên, bảo vệ lợi ích của các thành viên khi tham gia thị trường; tạo điều kiện để giảm chi phí, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển ổn định, bền vững của những người sản xuất nhỏ trong nền kinh tế thị trường. Với vai trò đó, kinh tế tập thể, cùng với kinh tế nhà nước sẽ tạo thành cơ sở, nền tảng cho phát triển của cả nền kinh tế.

Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế mạnh, nhất là trong lĩnh vực sản xuất. Kinh tế tư nhân tuân thủ đầy đủ luật pháp của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; hợp tác, liên kết với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể; khi có quy mô lớn, tổ chức thành công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi các lực lượng xã hội, của người lao động, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội đất nước thì không mâu thuẫn, cản trở định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tuân thủ đầy đủ luật pháp; hợp tác, liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước, là một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là lực lượng nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ.

6. Về mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường, xã hội và những yếu tố bảo đảm định hướng XHCN của nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển đầy đủ, đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; thị trường trong nước gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Thị trường, với tác động của các quy luật giá trị, cung - cầu, cạnh tranh, lưu thông tiền tệ, đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; huy động, phân bổ để sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực; điều tiết sản xuất và lưu thông; điều tiết hoạt động của doanh nghiệp, thanh lọc những doanh nghiệp yếu kém.

Vai trò của Nhà nước là xây dựng và hoàn thiện thể chế, bảo vệ quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, công khai, minh bạch cho các doanh nghiệp, các thị trường hoạt động, phát triển; điều tiết, định hướng thúc đẩy kinh tế phát triển, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường. Công cụ quản lý kinh tế của Nhà nước là luật pháp, cơ chế,

chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các tiêu chuẩn, định mức và lực lượng kinh tế nhà nước. Quản lý kinh tế của Nhà nước phải phù hợp với các yêu cầu và quy luật của kinh tế thị trường, để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường của đất nước trong từng giai đoạn.

Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp có vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: tạo sự liên kết, phối hợp hoạt động giữa các thành viên, bảo vệ lợi ích của các thành viên, giải quyết những vấn đề phát sinh giữa các thành viên, giữa người lao động và người sử dụng lao động; phản ánh nguyện vọng, lợi ích của các tầng lớp nhân dân với Nhà nước và thực hiện chức năng phân biện để luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước đáp ứng các yêu cầu bức thiết của cuộc sống; giám sát các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước trong việc thực thi pháp luật; đồng thời là đại diện cho các lực lượng xã hội tạo ra những ảnh hưởng lớn đến sản xuất và tiêu dùng, đến

quan hệ cung - cầu, giá cả hàng hóa, dịch vụ trên thị trường.

Các yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường được hình thành, phát triển bởi hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và sử dụng các nguồn lực kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; được thực hiện với sự tham gia của toàn dân, tất cả các thành phần kinh tế. Định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện toàn diện cả trong mục tiêu phát triển, phương thức tổ chức sản xuất, phương thức quản lý và quan hệ phân phối để nền kinh tế phát triển ổn định, nhanh, bền vững, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh cao; ngăn ngừa, khắc phục được những khuyết tật, tác động tự phát, tiêu cực của cơ chế thị trường; bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân tham gia vào phát triển kinh tế và hưởng thụ thành quả phát triển; thực hiện phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, theo mức đóng góp vốn cùng các yếu tố sản xuất khác và phân phối qua hệ

thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội bao trùm các đối tượng, không để ai bị bỏ lại phía sau; kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế đất nước trong từng giai đoạn, hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

7. Về xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Giữ vững độc lập, tự chủ trong việc xác định và thực hiện các chủ trương, đường lối, chiến lược và chính sách phát triển, phù hợp với điều kiện của đất nước. Không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; tăng cường tiềm lực kinh tế, sức mạnh tổng hợp của đất nước; phát huy tối đa, kết hợp chặt chẽ các nguồn lực trong và ngoài nước, trong đó, nội lực mang tính quyết định. Độc lập, tự chủ trong việc lựa chọn lộ trình, đối tác đàm phán và ký kết các cam kết quốc tế phù hợp với khả năng và yêu cầu của đất nước, trên nguyên tắc lấy lợi ích quốc gia - dân tộc và mục tiêu

phát triển đất nước là tối thượng. Triển khai lộ trình hội nhập quốc tế đồng bộ và góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, tránh lệ thuộc vào một thị trường, một đối tác cụ thể, tránh sự phụ thuộc lẫn nhau không cân xứng. Nâng cao sức chống chịu, khả năng thích ứng, có biện pháp bảo vệ nền kinh tế trước những ảnh hưởng, tác động tiêu cực từ bên ngoài không trái với các cam kết đã ký.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải tận dụng được cơ hội từ việc mở rộng thị trường, thu hút nguồn vốn, công nghệ, kiến thức và kỹ năng quản lý do hội nhập quốc tế đem lại để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm; đưa nền kinh tế nước ta tham gia sâu ở những công đoạn có giá trị tăng cao trong mạng lưới sản xuất, phân phối và chuỗi giá trị toàn cầu; đất nước có tiếng nói, tham gia vào hình thành các quan hệ kinh tế quốc

tế, nâng cao uy tín của đất nước; đòi hỏi phải nâng cao chất lượng thu hút và quản lý các nguồn vốn đầu tư nước ngoài; sử dụng có hiệu quả vốn vay từ nước ngoài. Không thu hút đầu tư nước ngoài bằng mọi giá; chú trọng thu hút đầu tư vào các ngành dựa trên công nghệ hiện đại. Tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài có công nghệ cao. Từng bước tăng cường năng lực làm chủ công nghệ của các doanh nghiệp trong nước, tránh sự phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài.

Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của việc thực thi pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân và doanh nghiệp; xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng và thúc đẩy khởi nghiệp. Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, giữa Trung ương với địa phương trong việc thực hiện cam kết hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng nền ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển, lấy người dân, địa phương với doanh nghiệp làm trung

tâm. Tăng cường năng lực giải quyết các tranh chấp thương mại và đầu tư quốc tế, bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhà nước, doanh nghiệp và công dân Việt Nam.

8. Về phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế

Quan triệt sâu sắc quan điểm về sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với phát triển kinh tế. Phát triển kinh tế tạo ra cơ sở, điều kiện để phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển con người, tạo ra môi trường lành mạnh, nguồn lực và động lực cho phát triển kinh tế. Quan điểm gắn kết chặt chẽ giữa phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội với phát triển kinh tế phải được thể chế hóa thành luật pháp, cơ chế chính sách trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; trong từng chính sách, ở mọi giai đoạn phát triển.

Tăng cường xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành

sức mạnh nội sinh phát triển đất nước. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, phát huy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, tiềm năng trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam với tư cách là nhân tố trung tâm, mục tiêu, động lực phát triển đất nước. Nâng cao nhận thức, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của người Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ. Bảo vệ, phát huy các giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hóa Việt Nam, khắc phục những hạn chế của con người Việt Nam đã tồn tại trong lịch sử. Khẳng định, tôn vinh, nhân rộng các giá trị văn hóa cao đẹp, nhân văn; đấu tranh đẩy lùi cái xấu, cái ác, lạc hậu; ngăn chặn có hiệu quả sự xuống cấp về đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cuộc vận động văn hóa, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong từng gia đình, thôn, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong gia đình, cộng đồng dân cư, các chuẩn mực văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý;

xây dựng môi trường văn hóa công sở trong sạch, dân chủ, đoàn kết, phục vụ nhân dân; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân với ý thức tuân thủ pháp luật, trách nhiệm với xã hội và người tiêu dùng. Phát huy các nhân tố tích cực trong các tôn giáo, tín ngưỡng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các loại hình văn hóa, văn nghệ. Phát triển ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa. Xây dựng nền báo chí, truyền thông nhân văn, tự do và hiện đại. Phát triển và quản lý chặt chẽ các loại hình thông tin trên mạng Internet, phát huy mặt tích cực, đấu tranh loại bỏ những tác động xấu, độc hại.

Quản lý phát triển xã hội theo hướng bền vững, bao trùm, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Xây dựng tiêu chí đánh giá việc thực hiện mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội. Dự báo xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội ở nước ta trong những năm tới; xây dựng các chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội phù hợp, giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, phân hóa giàu nghèo, kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột xã hội, bảo

đảm ổn định xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, để mọi người bình đẳng về cơ hội phát triển, không ai bị để lại phía sau. Thực hiện tốt chính sách chăm sóc người có công, bảo đảm người có công có mức sống trung bình trở lên ở địa bàn cư trú.

Giải quyết tốt lao động, việc làm, thu nhập cho người lao động. Tạo cơ hội để mọi người có việc làm. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động thích ứng với cơ cấu kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất khẩu lao động. Cải cách chính sách tiền lương phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường, tốc độ tăng trưởng kinh tế, nguyên tắc phân phối theo lao động. Thực hiện tốt các chính sách an toàn, vệ sinh lao động. Đổi mới chính sách bảo hiểm thất nghiệp theo hướng tăng cường đào tạo, đào tạo lại cho người lao động để tham gia hiệu quả vào thị trường lao động. Phát triển hệ thống an ninh xã hội toàn diện, đa dạng, đa tầng, tiến tới bao phủ toàn dân. Bảo đảm cung cấp tốt hơn các

dịch vụ xã hội cơ bản (nhà ở, giáo dục, y tế, nước sạch, thông tin truyền thông), nhất là các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Thực hiện tốt chính sách giảm nghèo bền vững theo chuẩn nghèo đa chiều. Thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển, về thu nhập giữa các vùng, các đối tượng.

Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, bảo đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe. Thực hiện tốt chính sách dân số, phát triển và nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh, chất lượng chăm sóc bà mẹ và trẻ em. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, trình độ khoa học, công nghệ y tế; đổi mới hệ thống quản lý, cung cấp dịch vụ y tế; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, năng lực phòng, chống dịch, bệnh. Thực hiện xã hội hóa, khắc phục tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên. Phát huy ngành công nghiệp dược và thiết bị y tế. Phát triển thể dục, thể thao toàn dân để tăng cường sức khỏe nhân dân, đồng thời phát triển thể thao thành tích cao.

9. Về đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế

Đổi mới chính trị đồng bộ, phù hợp với đổi mới kinh tế là đổi mới công tác tổ chức, xây dựng Đảng, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phù hợp với yêu cầu và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đẩy mạnh việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức của Đảng, Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tập trung nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Hoàn thành việc đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII. Sơ kết, tổng kết các

mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy để có kết luận chỉ đạo các bước tiếp theo. Gắn kết chặt chẽ giữa đổi mới, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tinh gọn đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách, quyền hạn đi đối với trách nhiệm. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương; thực hiện nghiêm các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, các tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí, “lợi ích nhóm”, “tư duy nhiệm kỳ”, “bệnh thành tích”, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, bè phái trong các cơ quan Đảng, nhà nước, các tổ chức của hệ thống chính trị.

Đổi mới đồng bộ, toàn diện công tác cán bộ từ tuyển dụng, tổ chức, sử dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bầu cử, bổ

nhiệm cán bộ và chính sách đãi ngộ cán bộ theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch để lựa chọn được người có bản lĩnh chính trị, năng lực và phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, trong sạch, trung thực, năng động, sáng tạo, có tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy phiếu bầu, “sử dụng người nhà, không sử dụng người tài”; đồng thời, có thể dễ dàng, nhanh chóng phát hiện và thay thế những cán bộ có sai phạm nghiêm trọng, yếu về phẩm chất, năng lực, không hoàn thành nhiệm vụ, mất uy tín với nhân dân. Có cơ chế, chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài. Tiếp tục nghiên cứu, thí điểm việc thi tuyển, bầu cử, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý có cạnh tranh; người đứng đầu lựa chọn cấp phó và cán bộ giúp việc để cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Cải cách chính sách tiền lương tạo động lực cho cán bộ toàn tâm toàn ý với công việc, giữ gìn phẩm chất đạo đức, khuyến khích cán bộ học tập, nâng cao trình độ.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của

Nhà nước, hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Thực hiện đúng Đảng lãnh đạo Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội bằng chủ trương, đường lối, định hướng chính sách lớn thể hiện trong Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; bằng việc giới thiệu đảng viên có phẩm chất, năng lực, uy tín để bầu giữ các chức danh quản lý chủ chốt trong bộ máy nhà nước và các tổ chức trong hệ thống chính trị; lãnh đạo đảng viên và tổ chức đảng trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thể chế hóa quan điểm, đường lối, định hướng chính sách của Đảng thành luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước, điều lệ, các quyết định của tổ chức mình và đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng; đồng thời lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền vận động để tạo ra sự thống nhất nhận thức, tư tưởng trong xã hội, ủng hộ và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Đảng không buông lỏng lãnh đạo, nhưng cũng không làm thay Nhà nước, các tổ chức trong hệ thống chính trị; các chỉ thị, nghị quyết của Đảng không thay

thế luật pháp, cơ chế, chính sách của Nhà nước. Cần sớm có những quy định cụ thể để có cơ sở thực hiện và giám sát việc thực hiện Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng chịu trách nhiệm trước nhân dân về những quyết định của mình. Đổi mới việc ra nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Tiếp tục đổi mới quản lý nhà nước, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế. Nhà nước tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế kinh tế và thể chế phát triển các lĩnh vực khác, nâng cao chất lượng xây dựng luật pháp, cơ chế chính sách, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, có phẩm chất và năng lực để tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, thúc đẩy kinh tế phát triển; đồng thời, cần phải phân bổ, sử dụng các nguồn lực kinh tế của Nhà nước thông qua đấu thầu cạnh tranh theo

cơ chế thị trường để có hiệu quả, không thất thoát, lãng phí, phù hợp với định lý phát triển kinh tế của đất nước. Phát huy dân chủ, khuyến khích sự năng động sáng tạo, đồng thời phải tăng cường kỷ luật kỷ cương, bảo đảm tuân thủ pháp luật, phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi sai phạm. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, khắc phục tình trạng hành chính hóa, năng động, sáng tạo, nâng cao sức hấp dẫn, tính thiết thực trong thu hút, tập hợp nhân dân, các thành viên, hội viên đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hành dân chủ, xây dựng đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của nhà nước; đồng thời, làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, bảo vệ lợi ích của đoàn viên, hội viên.

10. Về nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá trong nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng

1) Những nhiệm vụ trọng tâm

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh về mọi mặt, nhất là

về đạo đức; nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, vận hành thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược có phẩm chất, năng lực, trình độ, sức khỏe, uy tín, có trách nhiệm, gương mẫu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; xây dựng đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các thành phần kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; tạo động lực để nâng cao năng suất lao động, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Nâng cao chất lượng hoạt động đối ngoại, hiệu quả hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng, giữ vững hòa bình, ổn định; chủ động xử lý tốt những vấn đề an ninh phi truyền thống; chủ

động thực hiện các cam kết quốc tế, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam. Phát triển và quản lý xã hội bền vững; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; quyền con người, quyền công dân, củng cố, tăng cường lòng tin của nhân dân; xây dựng cộng đồng xã hội dân chủ, kỷ cương, đoàn kết, hài hoà, đồng thuận, văn minh.

Quản lý, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất, nước, rừng, biển, tài nguyên, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; tích cực, chủ động thích nghi và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

2) Các đột phá phát triển

Đổi mới đồng bộ thể chế kinh tế với thể chế chính trị, thể chế văn hoá và thể chế xã hội, trọng tâm là tạo lập

môi trường cạnh tranh bình đẳng trong thể chế kinh tế thị trường, đẩy mạnh cải cách hành chính.

Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nguồn nhân lực quản trị và nguồn nhân lực cấp chiến lược; tập trung đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc vì sự phát triển một xã hội cường thịnh, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh của mỗi người Việt Nam; phát huy giá trị, sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam.

Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; phát triển mạnh mẽ việc ứng dụng, phát triển và chuyển giao khoa học và công nghệ, xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, thúc đẩy khởi nghiệp, tạo động lực mới cho đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động, chất lượng, trình độ phát triển của đất nước.

Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng công nghệ thông tin và hạ tầng xã hội, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số ■



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

BÀI HỌC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ PHÁT HUY SỨC MẠNH KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

● PGS, TS NGUYỄN VIỆT THÔNG

Cách đây 74 năm, vào mùa thu năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng vĩ đại nhất của nhân dân ta trong thế kỷ XX. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử, đưa nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

Cách mạng Tháng Tám đã để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều bài học quý báu, trong đó có hai bài học quan trọng hàng đầu là bài học về xây dựng Đảng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

1. Bài học về xây dựng Đảng

Nhận thức rõ cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt và ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Để làm tròn sứ mệnh thiêng liêng, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: Đảng có vững, cách mạng mới thành công. Phải xây dựng Đảng thành một Đảng kiểu mới của giai cấp công

nhân, được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác – Lênin, phấn đấu vì lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, Đảng không có lợi ích nào khác. Đảng một lòng, một dạ phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Chỉ có 5.000 đảng viên mà Đảng đã lãnh đạo nhân dân làm nên Cách mạng Tháng Tám thành công. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : “Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta có quyền nói rằng: *Đảng ta thật là vĩ đại!*”¹. Điều đó thật tự hào. Bác nói: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một đảng mới 15 tuổi đã

lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”².

Đảng mạnh là do cán bộ, đảng viên của Đảng, gương mẫu đi đầu, lôi cuốn nhân dân đứng lên làm cách mạng, không sợ hy sinh, gian khổ. Chỉ riêng cuộc “Khủng bố trắng” của thực dân Pháp trong những năm 1931-1932, đã có hàng vạn cán bộ, đảng viên và những người yêu nước bị giam cầm, tù đày, giết hại. Trong 15 năm đấu tranh (1930-1945), đã có 14 đồng chí cấp Trung ương bị giết hại, trong đó có bốn đồng chí Tổng Bí thư của Đảng: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ.

Trong Di chúc để lại cho muôn đời sau, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn nhiều điều quan trọng, nhưng Người đã lựa chọn và quyết định trước hết nói về Đảng, trong đó đã khẳng định: “Nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo nên một bước ngoặt lịch sử, đưa nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến trở thành một quốc gia độc lập, tự do. Nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

nhân dân, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”³.

Trong gần 35 năm đổi mới vừa qua, nhận thức sâu sắc sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ: “Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo”⁴.

Đại hội XII của Đảng (2016) đề ra sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ, trong đó nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất là: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ,

nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”⁵.

Cụ thể hóa nhiệm vụ trọng tâm này, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành 2 nghị quyết và một quy định. Đó là Nghị quyết Trung ương 4 về Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Nghị quyết Trung ương 6 về Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; Hội nghị Trung ương 8 đã ban hành Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, v.v...

Việc quán triệt và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quy định về xây dựng Đảng đã được triển khai nghiêm túc. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã đạt được nhiều kết quả tích cực; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên; vai trò lãnh đạo của

Đảng được giữ vững, niềm tin của nhân dân với Đảng được củng cố. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bước trưởng thành và tiến bộ về nhiều mặt. Đa số cán bộ đảng viên có ý thức rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có ý thức phục vụ nhân dân, được nhân dân tin yêu. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm qua nhiều nhiệm kỳ chậm khắc phục, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ.

Dân số hiện nay khoảng hơn 96 triệu người sống ở trong nước và khoảng hơn 4 triệu người Việt định cư ở nước ngoài, gấp gần 5 lần so với năm 1945 (khoảng hơn 20 triệu). Số lượng đảng viên hiện nay khoảng 5 triệu, gấp khoảng 1.000 lần so với năm 1945 (khoảng 5.000 đảng viên). Vấn đề đặt ra “đông” nhưng đã “mạnh” chưa? Cần phải tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

2. Bài học về xây dựng, củng cố và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Để chuẩn bị mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa năm 1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh chỉ rõ: “muốn đánh Pháp, Nhật, ta chỉ cần một điều: *Toàn dân đoàn kết*”⁶. Người đã thành lập ra Mặt trận Việt Minh. Người cũng chỉ rõ: “Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kể vai gánh vác một phần trách nhiệm: Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng”⁷. Với quyết tâm: Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập, tự do, Người đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁸.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn 20 triệu đồng bào đã nhất tề vùng dậy giành chính quyền. Chỉ trong vòng 1 tháng, cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công khắp cả nước. Chiều ngày 2/9/1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn

độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và khẳng định quyết tâm: “Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”⁹.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám để lại bài học quý giá phải củng cố và tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong Di chúc, Bác dặn: “*Đoàn kết* là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải gìn giữ sự đoàn kết nhất trí của Đảng như gìn giữ con người của mắt mình”¹⁰.

Đại đoàn kết toàn dân tộc là quy luật giành thắng lợi của dân tộc Việt Nam trong dựng nước và giữ nước. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã rút ra 5 bài học kinh nghiệm, trong đó có bài học “Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế”. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ

Chí Minh đã tổng kết: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công”¹¹. Đại hội XII của Đảng xác định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng bảo vệ Tổ quốc”¹².

Trong những năm qua khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiếp tục được mở rộng, củng cố và tăng cường. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có đổi mới cả về nội dung và phương thức hoạt động; phát huy ngày càng tốt hơn vai trò tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; cùng Đảng, Nhà nước chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, quản lý xã hội; thường xuyên tổ chức các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước góp phần tích cực vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ, có lúc, có nơi chưa phát huy được vai trò, sức mạnh của nhân dân. Chưa đánh giá và dự báo chính xác

những diễn biến, thay đổi cơ cấu xã hội; tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để có chủ trương phù hợp. Chủ trương, quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về quyền và lợi ích hợp pháp của các giai cấp, tầng lớp nhân dân chưa được kịp thời thể chế hóa, hoặc đã thể chế hóa nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp có lúc, có nơi chưa sâu sát các tầng lớp nhân dân và cơ sở còn có biểu hiện hành chính hóa, chưa thiết thực, hiệu quả.

3. Tiếp tục tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc theo tinh thần Cách mạng Tháng Tám

Sắp tới, chúng ta Kỷ niệm 90 năm ngày lập Đảng (1930-2020), cũng là năm tiến hành đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội XIII của Đảng. Đại hội không chỉ xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển đất nước 5 năm tới (2021-2025) mà cho 10 năm tới (2021-2030) và tầm nhìn đến 2045. Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết tâm phấn đấu đến năm 2030- năm

kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng đưa nước ta trở thành nước công nghiệp, theo hướng hiện đại, có thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 – năm kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa hay nước phát triển theo định hướng XHCN.

Để đạt được mục tiêu trên cần tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Phát huy cao độ trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là động lực và nguồn sức mạnh to lớn, có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là nhu cầu tự nhiên của sự

nghiệp cách mạng của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đoàn kết trong Đảng làm hạt nhân; liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nòng cốt; hợp tác giữa công nhân, nông dân, trí thức với doanh nhân là một động lực cho tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Có cơ chế, chính sách phát huy tối đa mọi nguồn lực, tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công

bằng, văn minh” làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác biệt không trái với lợi ích chung của quốc gia – dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống yêu nước, nhân nghĩa, khoan dung; xây dựng niềm tin, khát vọng phát triển để đoàn kết, tập hợp mọi người Việt Nam trong nước và ngoài nước, tạo khí thế mới, động lực mới, quyết tâm đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, thực hiện tốt điều mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết, phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”¹³ ■

^{1,2} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.400, 400.

^{3, 10, 11} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.15, tr.621-622, 621, 624.

^{4, 11} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.89, tr.65-66.

^{5, 12} Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.217, 158.

^{6, 7, 8} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.3, tr.230, 596.

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.4, tr.3.

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ HỘI NHẬP Ở VIỆT NAM

● PGS, TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

1. Một số vấn đề lý luận về phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Trong gần 35 năm đổi mới, trên cơ sở kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tổng kết thực tiễn, lý luận về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện, đổi mới và sáng tạo. Đảng CSVN đã nhận thức rõ bản chất và những nội dung cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thứ nhất, về bản chất, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp

với từng giai đoạn phát triển của đất nước; là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng CSVN lãnh đạo, nhằm mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

Thứ hai, tính hiện đại và hội nhập quốc tế của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam thể hiện ở chỗ: Kế thừa có chọn lọc những thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới; có hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và các yếu tố thị trường, các loại thị trường đầy đủ, đồng bộ, vận hành thông suốt, gắn kết chặt chẽ với các nền kinh tế trên thế giới; vai trò, chức năng của Nhà nước và thị trường được xác định và thực



Tập đoàn kinh tế nhà nước giữ vị trí then chốt của kinh tế nhà nước

— Ảnh: TTXVN

hiện phù hợp với thông lệ, nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế phổ biến.

Thứ ba, định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế được nhất quán xác lập và tăng cường thông qua sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, lấy con người làm trung tâm, vì mọi người và do con người; phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Thứ tư, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam có

quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí then chốt và là một lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập, tự chủ. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh

tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật. Khuyến khích làm giàu hợp pháp. Thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

Thứ năm, Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và bảo vệ tài nguyên, môi trường; phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường.

2. Thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam

Trong quá trình đổi mới, việc phát triển nền kinh tế thị trường định

hướng XHCN đã góp phần quan trọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình, giữ vững định hướng XHCN, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày được nâng cao, quốc phòng và an ninh được đảm bảo vững chắc. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng được hoàn thiện thông qua các quy định trong Hiến pháp, pháp luật và cơ chế, chính sách. Đồng thời, hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện theo hướng đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế.

Điều 51 và Điều 52 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo*”; và “*Nhà nước xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, điều tiết nền kinh tế trên cơ sở tôn trọng các quy luật thị trường...*”¹.

Từ khi ban hành Nghị quyết

Trung ương 6 khóa X (2008) đến năm 2017, Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 191 bộ luật, luật, pháp lệnh; trong đó, có khoảng 120 (chiếm hơn 60%) bộ luật, luật, pháp lệnh liên quan trực tiếp tới hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đặc biệt là các bộ luật như Luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Sở hữu trí tuệ...

Thứ hai, nền kinh tế liên tục tăng trưởng, lạm phát được duy trì ở mức có thể kiểm soát được và thấp trong những năm gần đây; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại.

Trong giai đoạn 1986-2018, tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng quốc nội (GDP) đạt bình quân 6,3%, cao hơn mức trung bình của thế giới (2,95%) và của khu vực kinh tế năng động là Đông Á và Thái Bình Dương (4,39%), theo số liệu của Ngân hàng Thế giới (NHTG). Đồng thời, tỷ lệ

lạm phát cũng được duy trì ở mức thấp, dưới 4% trong vòng 5 năm gần đây, kể từ 2014 đến nay.

- Quy mô nền kinh tế được mở rộng mạnh mẽ. Năm 2018, quy mô GDP của Việt Nam đạt khoảng 244,9 tỷ USD (năm 1988 khoảng 5,5 tỷ USD). Đồng thời, năng suất lao động liên tục gia tăng, đạt 102 triệu đồng/lao động vào năm 2018, gấp hơn 4 lần so với năm 2006 (24,1 triệu đồng/lao động). Thêm vào đó, tốc độ gia

Xuất phát từ nền kinh tế với tỷ trọng chủ yếu là nông, lâm nghiệp và thủy sản vào những năm 1990, nền kinh tế hiện nay đã dựa nhiều hơn vào công nghiệp, xây dựng và dịch vụ với tỷ trọng của các khu vực này trong GDP vào năm 2018 lần lượt là 35%, và 41%.

tăng năng suất lao động được duy trì ổn định, trung bình 4,3% giai đoạn 2006-2018 và đạt mức cao nhất là 6,02% vào năm 2017.

- Xuất phát từ nền kinh tế với tỷ trọng chủ yếu là nông, lâm nghiệp và thủy sản vào những năm 1990, nền kinh tế hiện nay đã dựa nhiều hơn vào công nghiệp, xây dựng và dịch vụ với tỷ trọng của các khu vực này trong GDP vào năm 2018 lần lượt là 35%, và 41%. Cơ cấu lao động cũng có sự chuyển dịch tương

ứng: năm 2017, chỉ khoảng 40% lao động còn đang làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, giảm nhiều so với mức 55% của hơn 10 năm trước đó (2005).

Thứ ba, thu nhập bình quân đầu người gia tăng mạnh và trở thành nước có thu nhập trung bình; tiến bộ và công bằng xã hội được đảm bảo với việc thực hiện thành công “sớm” các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDGs).

Thứ tư, môi trường đầu tư và kinh doanh ngày càng được cải thiện; năng lực cạnh tranh quốc gia từng bước được nâng lên cùng với nhiều tiến bộ trong đổi mới và sáng tạo quốc gia.

Môi trường kinh doanh của Việt Nam đang ngày càng được cải thiện. Hiện tại, Việt Nam xếp hạng 69/190 quốc gia trên thế giới, xếp thứ 6/47 nước có thu nhập trung bình thấp, và xếp thứ 8/25 nước Đông Á và Thái Bình Dương. So với mức trung bình của các nước ASEAN, Việt Nam đạt được ngang bằng, và thậm chí vượt trội hơn ở một số tiêu chí như cung cấp tín dụng, đăng ký bảo hộ tài sản và hỗ trợ năng lượng điện.

Chỉ số sáng tạo liên tục tăng đã giúp cho nền kinh tế đã vươn lên nhóm nửa trên bảng xếp hạng toàn cầu. Trong giai đoạn 2013-2018 Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể về mức độ sáng tạo theo các năm. Chỉ số sáng tạo tăng từ 34,82 vào năm 2013 lên 37,9 vào năm 2018. Nếu xét về thứ hạng, nền kinh tế đã vươn lên từ vị trí thuộc nhóm nửa dưới (65/107) của năm 2007 lên nhóm nửa trên bảng xếp hạng (45/124) vào năm 2018 (Báo cáo Chỉ số sáng tạo toàn cầu, 2018).

Thứ năm, các hình thức sở hữu và các khu vực kinh tế, đặc biệt là khu vực kinh tế ngoài nhà nước phát triển nhanh và ngày càng đa dạng.

Nền kinh tế đã có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu theo thành phần kinh tế. Khu vực kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong GDP của Việt Nam, đạt khoảng 42% vào năm 2017. Trong đó, doanh nghiệp tư nhân duy trì mức đóng góp trung bình 8,5% vào GDP, giai đoạn 2005-2017. Trong cùng giai đoạn, khu vực kinh tế tập thể đóng góp trung bình 4,81% vào GDP, giảm dần từ mức 6,65% GDP vào

năm 2005 xuống còn 3,76% vào năm 2017. Khu vực kinh tế nhà nước đang được tái cơ cấu lại và giảm dần tỷ trọng đóng góp vào GDP: giảm từ 37,62% GDP vào năm 2005 xuống 28,63% vào năm 2017. Trong khi đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt mức 20% vào năm 2017, tăng nhẹ so với mức 15,16% vào năm 2005.

Đặc biệt, cũng theo, khu vực kinh tế tư nhân đã đạt được các bước tiến đáng kể trong thời gian qua. Khu vực này tạo ra tới 85,9% lượng việc làm cho cả nền kinh tế, vượt trội hẳn so với các khu vực kinh tế nhà nước, đạt 10,7% và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, đạt 3,38%, tính trung bình giai đoạn 2000-2017. Khu vực kinh tế tư nhân cũng gia tăng dần tỷ trọng đóng góp cho thu ngân sách về sản xuất kinh doanh, tăng từ 29,81% vào năm 2011 lên 38,2% vào năm 2018. Trong cùng kỳ, khu vực kinh tế Nhà nước giảm tỷ trọng đóng góp ngân sách từ 43,56% vào năm 2011 xuống còn 27,86% vào năm 2017; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gia tăng từ 26,6% vào 2011 lên 33,9% vào 2017.

Thứ sáu, hệ thống các thị trường, đặc biệt là thị trường các nhân tố sản xuất được hình thành và từng bước phát triển theo hướng đồng bộ hơn và gắn kết hơn với thị trường quốc tế.

Thứ bảy, hội nhập quốc tế ngày càng sâu và rộng vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Tính đến tháng 7 năm 2019, Việt Nam đã ký hết 12 hiệp định FTA. Các hiệp định này đã kết nối nền kinh tế với phần lớn các thị trường trọng điểm trên thế giới, như Nhật Bản (2009), Hàn Quốc (2015), và đặc biệt là các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương như Canada, Chile, Úc, theo hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và hiệp định thương mại với 28 nước châu Âu (EVFTA); 3 hiệp định FTA đang trong quá trình đàm phán với các đối tác thương mại hàng đầu như Thụy Sĩ, Na Uy, Israel.

Thứ tám, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước về kinh tế ngày càng được đổi mới phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và với hiệu lực, hiệu quả ngày càng cao.

Đảng CSVN đã chú trọng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để làm rõ hơn nhận thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN; lãnh đạo cụ thể hoá và thể chế hoá các chủ trương, đường lối bằng các luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách...; huy động cả hệ thống chính trị, động viên nhân dân tích cực tham gia triển khai thực hiện. Các cấp uỷ đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội trên các lĩnh vực và địa bàn. Đảng lãnh đạo kinh tế thông qua các tổ chức đảng và đảng viên.

Vai trò, phương thức hoạt động của Nhà nước đã có những đổi mới phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Nhà nước tập trung hơn vào bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; hoàn thiện khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách phù hợp với nguyên tắc thị trường, các thông lệ, chuẩn mực quốc tế; tạo lập và không ngừng cải thiện môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp; giảm thiểu sự can thiệp hành chính trực tiếp vào công việc kinh doanh của

doanh nghiệp. Quản lý tài chính công được đổi mới và từng bước được hoàn thiện. Công tác cải cách hành chính đã được nỗ lực triển khai và đạt kết quả tích cực. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước từng bước được tăng cường.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam trong thời gian qua vẫn đang tồn tại một số hạn chế và yếu kém. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, nền kinh tế chủ yếu phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu và chưa thực sự bền vững. Vốn đầu tư đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng kinh tế, chiếm bình quân 35% GDP, giai đoạn 2005-2018. Trong khi đó, hiệu quả sử dụng vốn lại không cao, chỉ số ICOR bình quân đạt 6,1 trong cùng thời kỳ. Ngoài ra, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao đến mức tạo ra sự đột phá và thấp hơn so với một số nước trong khu vực. Bình quân trong 30 năm sau đổi mới, kể từ năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ

hơn 6,5%/năm, thấp hơn so với Hàn Quốc (9,5% trong 30 năm, 1963-1997) và Malaysia (6,9% trong 40 năm, 1961-2000).

Thứ hai, cơ cấu nền kinh tế còn chưa đảm bảo sự cân đối, hài hoà để có thể phát huy hết tiềm năng, tạo ra bước phát triển đột phá. Cụ thể, khu vực kinh tế nhà nước còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, chưa thực sự thể hiện được vai trò chủ đạo, dẫn dắt các khu vực khác trong nền kinh tế. Các chính sách về kinh tế tập thể chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến khu vực kinh tế này chậm đổi mới và phát triển với hầu hết các hợp tác xã có ít vốn, thiếu thốn về cơ sở vật chất. Thêm vào đó, khu vực doanh nghiệp tư nhân còn gặp phải nhiều vướng mắc về thể chế, môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, thiếu minh bạch, và tính dự báo thấp.

Thứ ba, một số thị trường còn chưa vận hành thông suốt, minh bạch và xứng tầm với các yêu cầu trong hội nhập quốc tế. Trong đó, thị trường hàng hoá và dịch phát triển chưa bền vững. Các quy định bảo vệ

người tiêu dùng, bảo đảm thực thi các chuẩn mực về chất lượng còn nhiều bất cập. Ngoài ra, thị trường lao động mới chỉ đang gần đạt được mức phát triển cao. Việc liên thông theo khu vực địa lý, giữa thành thị và nông thôn, giữa khu vực hành chính công và doanh nghiệp chưa thực sự thuận lợi. Không chỉ vậy, thị trường tài chính, tiền tệ còn chưa thực sự đạt được sự đồng bộ, hiệu quả và bền vững. Quy mô thị trường còn khá nhỏ, trong khi cấu trúc thị trường tài chính còn bị phân mảnh, phát triển chưa cân bằng giữa các thị trường.

3. Những định hướng cơ bản trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN hiện đại và hội nhập ở Việt Nam

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh việc thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Thứ hai, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN, đặc biệt là thể chế về sở hữu; thể chế phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; thể chế phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường; thể

chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với đảm bảo phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thể chế đầy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ ba, đảm bảo ổn định liên tục, bền vững kinh tế vĩ mô và tăng khả năng chống chịu của nền kinh tế trước những cú sốc bất ngờ từ bên trong cũng như bên ngoài.

Thứ tư, đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; huy động và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư.

Thứ năm, tạo sự đột phá trong

phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo để khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu, là nền tảng cho phát triển nguồn nhân lực chất cao và con người Việt Nam theo hướng văn minh, hiện đại, nhân văn cũng như là nền tảng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng năng suất.

Thứ sáu, phát triển xã hội bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội song hành cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế.

Thứ bảy, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ■

¹ Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

<https://thuvienphapluat.vn>

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ ĐỘT PHÁ LỚN CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ HỌC CHỦ NGHĨA MÁC

● VƯƠNG NHẤT MINH

Phó Chủ nhiệm

Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc vụ viện Trung Quốc

1. Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là đột phá to lớn của kinh tế chính trị học chủ nghĩa Mác

Trước khi nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc xuất hiện, quan điểm chiếm vị trí chủ đạo trong các nước xã hội chủ nghĩa là xây dựng nền kinh tế thị trường trên nền tảng chế độ tư hữu là phản bác lại chế độ công hữu, chủ nghĩa xã hội với chế độ công hữu làm chủ thể chỉ có thể thực hiện kinh tế kế hoạch, không thể cũng không có khả năng kết hợp với kinh tế thị trường. Quan điểm này trên thực tế đã đưa kinh tế thị trường và kinh tế kế hoạch vào phạm trù chế độ cơ bản của xã hội. Coi nó là tiền đề, tự nhiên sẽ không thể đề xuất phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện chủ nghĩa xã hội.

Sau khi Trung Quốc cải cách mở cửa, kiên trì giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, tổng kết các bài học kinh nghiệm trong thời kì kinh tế kế hoạch trước đây, từng bước đưa vào cơ chế kinh tế thị trường và mở rộng phạm vi điều tiết của thị trường, từ đề xuất “kinh tế kế hoạch làm chủ đạo, kinh tế hàng hóa làm bổ trợ”, đến phát triển “kinh tế hàng hóa có kế hoạch”, lại đến “Nhà nước điều tiết thị trường, thị trường dẫn dắt doanh nghiệp”, không ngừng tìm tòi con đường hiệu quả để kết hợp chủ nghĩa xã hội với kinh tế thị trường. Trong quá trình này, luôn tồn tại tranh luận của nhiều ý kiến khách nhau. Đầu năm 1992, Đặng Tiểu Bình trong phát biểu nổi tiếng ở miền nam đã nêu: “Kế hoạch nhiều một chút hay thị trường nhiều một chút không

phải là sự khác biệt bản chất của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản. Kinh tế kế hoạch không đồng nghĩa với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản cũng có kế hoạch; kinh tế thị trường không đồng nghĩa với chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa xã hội cũng có thị trường. Kế hoạch và thị trường đều là biện pháp kinh tế”. Sau phát biểu này, đã phá vỡ nút thắt về tranh luận chủ nghĩa xã hội không thể làm kinh tế thị trường. Năm 1993, Hội nghị Trung ương 3 khóa XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua “Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về các vấn đề xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”, đã xác lập mục tiêu cải cách là xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thị trường từng bước phát huy vai trò mang tính nền tảng trong phân bổ nguồn lực. Sau đó, việc tìm tòi hình thức thực hiện hiệu quả kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với kinh tế thị trường luôn diễn ra không ngừng nghỉ. Năm 2013, trong “Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về các vấn đề quan trọng đi sâu cải cách toàn diện” thông qua

tại Hội nghị Trung ương 3 khóa XVIII đã nêu rõ, “chế độ kinh tế cơ bản với chế độ công hữu là chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển là trụ cột quan trọng của chế độ chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, cũng là căn cốt của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp cùng nắm cổ phần, cùng dung hòa nhau giữa vốn nhà nước, vốn tập thể, vốn phi công hữu là hình thức thực hiện quan trọng của chế độ kinh tế cơ bản. Thị trường quyết định phân bổ nguồn lực là quy luật chung của kinh tế thị trường, kiên toàn thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa buộc phải tuân theo quy luật này”. Về mặt lý luận đã tiếp tục làm rõ cơ sở chế độ, hình thức thực hiện và quy luật cơ bản của phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện chủ nghĩa xã hội.

Phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện chủ nghĩa xã hội là sản phẩm kết hợp giữa các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác với thực tế phát triển của Trung Quốc, đây là hành động vĩ đại trong lịch sử phát triển chủ nghĩa xã hội của thế giới. Kết hợp kinh tế thị trường với chế độ

tư bản chủ nghĩa, thực hiện kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa đã có lịch sử mấy trăm năm. Kết hợp kinh tế kế hoạch với chế độ xã hội chủ nghĩa, thực hiện kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa, từ khi thiết lập xã hội xã hội chủ nghĩa cũng có mấy chục năm kinh nghiệm, mọi người đều quen thuộc với việc này. Kết hợp chế độ cơ bản xã hội chủ nghĩa với kinh tế thị trường, phát triển kinh tế thị trường trong điều kiện chủ nghĩa xã hội, điều này chưa từng có tiền lệ, là sự sáng tạo lý luận của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã viết nên trang mới cho kinh tế chính trị học chủ nghĩa Mác.

2. Thực tiễn cải cách mở cửa của Trung Quốc chứng minh kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa không những có thể kết hợp, hơn nữa còn giành được thành công to lớn

Sau 40 năm cải cách mở cửa, kinh tế - xã hội Trung Quốc đã có những thay đổi to lớn. Lực lượng sản xuất xã hội được giải phóng ở mức cực lớn. Từ năm 1979 đến 2018, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình năm đạt 9,4%, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng kinh

tế thế giới trung bình khoảng 2,9% trong cùng giai đoạn. GDP chiếm tỷ trọng 1,8% toàn cầu ở thời kỳ đầu cải cách mở cửa tăng lên mức 16,1%. Việc thúc đẩy nhanh chóng công nghiệp hóa đã hình thành nên hệ thống sản xuất hoàn chỉnh nhất toàn cầu, quy mô ngành chế tạo đứng thứ nhất toàn cầu, sản lượng các sản phẩm công nghiệp chủ yếu đều giữ ổn định ở nhóm đầu thế giới. Đô thị hóa phát triển mạnh mẽ. Năm 2018, tỷ lệ đô thị hóa dân số thường trú đạt 59,6%, tăng tổng cộng 41,8 điểm phần trăm trong 40 năm. Đời sống nhân dân được cải thiện mạnh mẽ. Năm 2018, GDP bình quân đầu người đạt 9.700 USD, mức thu nhập người dân bình quân đã tiệm cận với các nền kinh tế có mức thu nhập cao theo tiêu chuẩn của Ngân hàng Thế giới. Chỉ số Engel (tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm trên tổng chi tiêu) giảm còn 28,4%, đạt mức giàu có là từ 20%-30% theo cách tính của Liên hợp quốc. Nhóm người có thu nhập trung bình đã lên tới hơn 400 triệu người, hình thành nên thị trường sản phẩm và dịch vụ lớn thứ 2 toàn

cầu. Sức mạnh tổng hợp quốc gia tăng mạnh. Đã xây dựng được cơ sở hạ tầng cứng, mềm có trình độ thế giới, tổng chiều dài đường sắt cao tốc và đường bộ cao tốc đều đứng đầu thế giới, hình thành được mạng lưới di động và internet băng thông rộng lớn nhất thế giới. Có thể nói, trong lịch sử nhân loại, trước đến nay chưa có một nước nào có dân số đông như vậy có thể trong khoảng thời gian ngắn như vậy mà giành được những thành tựu to lớn như vậy. Như nguyên Tổng Giám đốc Ngân hàng Thế giới Zoellick từng nói “đây là một câu chuyện phát triển thành công chưa từng có”.

3. Phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa cần phải giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản

(1) Kết hợp giữa chế độ công hữu và kinh tế thị trường

Chế độ kinh tế cơ bản xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc là lấy chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển. Chế độ công hữu có thể kết hợp với kinh tế thị trường hay không, có thể thực hiện kinh tế thị trường trong điều kiện chế độ công hữu hay

không, đây vừa là vấn đề lý luận, cũng là một vấn đề thực tiễn. Trung Quốc đã tìm được trong thực tiễn hình thức thực hiện hiệu quả chế độ công hữu đặc biệt là chế độ quốc hữu, đó là thiết lập chế độ cổ phần; đã tìm được hình thức thực hiện quan trọng với chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển, đó chính là phát triển kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp.

Kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp, cũng là điểm đặc biệt của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc. Các nước kinh tế thị trường phương tây có rất nhiều doanh nghiệp chế độ liên doanh và doanh nghiệp chế độ cổ phần, nhưng thường đều là tư nhân góp vốn và tư nhân tham gia cổ phần trên cơ sở chế độ tư hữu. Nền kinh tế thành phần sở hữu hỗn hợp của Trung Quốc là sự kết hợp giữa vốn công hữu và vốn phi công hữu. Phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, doanh nghiệp nhà nước sẽ trở thành chủ thể thị trường độc lập. Phương hướng cải cách là xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại tức là chế độ công ty hiện đại, trong đó chế

độ công ty hiện đại quy phạm là đa nguyên hóa quyền cổ phần, ngoài vốn nhà nước từ đầu ra, cần phải thu hút nhiều nhà đầu tư vốn ngoài nhà nước, công ty niêm yết công khai sẽ có lượng lớn vốn tư nhân và công chúng nắm cổ phần công ty. Trên thực tế, từ những năm 90 thế kỷ trước, Trung Quốc đã cho phép nguồn vốn trong dân và vốn nước ngoài tham gia vào cải cách doanh nghiệp nhà nước, nhiều doanh nghiệp nhà nước bao gồm doanh nghiệp tài chính niêm yết, đã thúc đẩy vốn trong dân đổ vào doanh nghiệp nhà nước. Những năm gần đây, nhà nước tiếp tục khuyến khích phát triển kinh tế chế độ thành phần sở hữu hỗn hợp, thông qua việc vốn nhà nước và vốn tư nhân nắm giữ cổ phần đan xen, cùng dung hòa lẫn nhau, để thúc đẩy và hoàn thiện chế độ doanh nghiệp hiện đại, xây dựng bộ máy quản trị pháp nhân của doanh nghiệp, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước.

Đồng thời với việc tiến hành cải cách kinh tế chế độ công hữu vốn có, khuyến khích phát triển kinh tế

phi công hữu, đây cũng là con đường quan trọng để phát triển kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp. Hiện nay, doanh nghiệp tư nhân Trung Quốc đã đóng góp hơn 50% thuế, hơn 60% tổng lượng GDP, hơn 70% thành quả sáng tạo công nghệ, hơn 80% việc làm cho lao động tại thành thị và chiếm hơn 90% số lượng doanh nghiệp, đã trở thành lực lượng thúc đẩy phát triển kinh tế không thể thiếu. Cùng với sự phát triển lớn mạnh của kinh tế tư nhân, đã xuất hiện một loạt doanh nghiệp siêu lớn tầm thế giới như Hoa Vi, Baidu, Tencent, Alibaba, tạo điều kiện để vốn tư nhân thông qua nhiều phương thức như mua cổ phần, mua quyền cổ phần, chuyển đổi quyền cổ phần để tham gia vào doanh nghiệp nhà nước, vừa thúc đẩy hơn nữa sự phát triển kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp.

Từ đó có thể thấy, phát triển kinh tế chế độ sở hữu hỗn hợp là hình thức thực hiện hiệu quả kết hợp giữa chế độ công hữu và kinh tế thị trường, không chỉ giúp doanh nghiệp nhà nước thông qua các hình thức tổ chức doanh nghiệp hiện đại

như chế độ cổ phần để trở thành chủ thể của kinh tế thị trường, mà cũng đã thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển mạnh, đã hình thành cục diện cạnh tranh giữa các chủ thể thị trường đa nguyên hóa và các thành phần kinh tế hỗ trợ cho nhau, cùng nhau phát triển.

(2) Quan hệ giữa Chính phủ và thị trường

Quan hệ giữa Chính phủ và thị trường là mệnh đề hạt nhân của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Xử lý mối quan hệ giữa Chính phủ và thị trường, phải làm rõ ranh giới giữa Chính phủ và thị trường. Chủ thể kinh tế thị trường là doanh nghiệp, Chính phủ là chủ thể tạo ra môi trường phát triển. Chức năng của Chính phủ chủ yếu là phục vụ chủ thể thị trường, thông qua việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của chủ thể thị trường, bảo vệ trật tự thị trường cạnh tranh công bằng, khơi dậy tính tích cực của các thành viên xã hội tạo ra tài sản. Những việc mà thị trường có thể làm thì cố gắng để thị trường làm. Nhìn từ kinh nghiệm Trung Quốc, chức trách của Chính phủ chủ yếu

là giữ ổn định kinh tế vĩ mô, tăng cường và tối ưu hóa dịch vụ công, đảm bảo cạnh tranh công bằng, tăng cường giám sát quản lý thị trường, duy trì trật tự thị trường, thúc đẩy phát triển bền vững, thúc đẩy cùng giàu có, hỗ trợ các khiếm khuyết của thị trường.

Một là, giữ ổn định kinh tế vĩ mô. Trong điều kiện kinh tế thị trường, phải tránh các vấn đề như biến động kinh tế mang tính chu kỳ, độc quyền, ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài và thông tin không đối xứng, cần phải có sự tham gia của Chính phủ, tiến hành điều tiết vĩ mô, tăng cường nghiên cứu dự báo xu thế phát triển kinh tế, xác định một cách khoa học mục tiêu điều tiết và định hướng chính sách, tăng cường tính khoa học và tính dự báo của điều tiết vĩ mô, vận dụng tổng hợp các biện pháp để điều tiết hiệu quả sự vận hành kinh tế, duy trì kinh tế vận hành ổn định.

Hai là, cải thiện dịch vụ công. Cung cấp dịch vụ công là chức trách của Chính phủ. Cùng với sự phát triển kinh tế, Chính phủ phải tăng cường đầu tư ngân sách vào dịch vụ

công, mở rộng phạm vi bao phủ của dịch vụ công, từng bước thực hiện bình đẳng hóa dịch vụ công cơ bản. Đồng thời phải sáng tạo phương thức cung cấp dịch vụ công, thực hiện nhiều hơn nữa việc Chính phủ mua dịch vụ, thúc đẩy đa nguyên hóa chủ thể cung cấp dịch vụ công.

Ba là, tăng cường giám sát quản lý thị trường. Cùng với việc thúc đẩy cải cách thị trường hóa, chủ thể thị trường gia tăng ồ ạt, nhu cầu giám sát quản lý thị trường tăng lên nhanh chóng, nhưng việc “cung ứng” giám sát quản lý của Chính phủ luôn không theo kịp nhu cầu của sự phát triển thị trường, yêu cầu phải tăng cường giám sát quản lý và xây dựng năng lực thị trường, chuyển đổi từ lấy thẩm tra phê duyệt giai đoạn đầu làm chủ đạo sang thành giám sát quản lý trong và sau sự việc, chuyển từ phân chia giám sát quản lý của các bộ, ngành sang quản lý giám sát liên hợp, đồng thời tận dụng các phương tiện công nghệ hiện đại như internet và kho thông tin để sáng tạo các phương thức giám sát quản lý.

Bốn là, tăng cường bảo vệ môi trường sinh thái. Cùng với sự phát

triển nhanh chóng của kinh tế, việc xả rác thải sẽ tăng theo, hệ thống sinh thái có thể sẽ bị suy thoái, buộc phải tăng cường chức năng bảo vệ môi trường sinh thái của Chính phủ, đẩy mạnh xử lý môi trường, phục hồi hệ thống sinh thái tự nhiên quan trọng, thay đổi xu thế ô nhiễm môi trường sinh thái, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của quần chúng nhân dân về môi trường sinh thái tươi đẹp.

(3) Vấn đề cùng giàu có

Một trong những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội là cùng giàu có. Phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, làm thế nào để tránh khoảng cách thu nhập bị nới rộng nhanh chóng và phân hóa xã hội, đây là vấn đề quan trọng phải giải quyết. Ở giai đoạn “cải tiến Pareto” ở kỳ đầu cải cách, để một bộ phận người một vài khu vực giàu lên trước, đồng thời không để những người còn lại, khu vực còn lại bị tổn thương. Nhưng cùng với việc đi vào “vùng nước sâu”, cải cách thường sẽ đụng chạm đến lợi ích vốn có của một bộ phận người, như vậy cần sử dụng ngân sách và nguồn lực xã hội để bù đắp cho những

người bị tổn hại về lợi ích, thực hiện “cải tiến Kaldor”.

Đương nhiên, muốn thực hiện mục tiêu cùng giàu có, về căn bản phải củng cố và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản với chế độ công hữu làm chủ thể, nhiều thành phần kinh tế cùng phát triển, kiện toàn chế độ phân phối với chủ thể là phân phối theo lao động, nhiều phương thức phân phối cùng tồn tại, không ngừng hoàn thiện chức năng tái phân phối của tài chính và thuế để thúc đẩy mọi người cùng hưởng thành quả của phát triển, hoàn thiện các chức năng đảm bảo tối thiểu của các chính sách xã hội như giảm nghèo chuẩn xác.

Mặt rất quan trọng trong việc Chính phủ điều tiết phân phối thu nhập là mở rộng nhóm người thu nhập trung bình, đây là xây dựng cơ sở kết cấu xã hội “kiểu cây ô liu” phát triển bền vững. Mở rộng nhóm người thu nhập trung bình, phải tăng cường cải cách chế độ giáo dục, đẩy mạnh đầu tư nguồn nhân lực, tạo điều kiện để có nhiều người hơn gia nhập vào nhóm thu nhập trung bình. Đẩy nhanh phát triển thị trường lao động, thúc đẩy dân số

nông nghiệp chuyển vào các khu vực phi nông nghiệp, thúc đẩy sức lao động lưu động tự do giữa các khu vực, ngành nghề, doanh nghiệp, tăng cường tính linh hoạt của thị trường lao động. Đẩy nhanh cải cách chế độ đất đai, nâng cao hiệu ích mang tính tài sản của nông dân. Đồng thời, phải đẩy mạnh chuyển dịch chi cho dân số có thu nhập thấp và khó khăn, tăng cường xóa đói giảm nghèo.

Tóm lại, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là sản phẩm của thực tiễn cải cách mở cửa của Trung Quốc, cũng là sáng tạo lý luận trên nền tảng thực tiễn của Đảng Cộng sản Trung Quốc, là cống hiến to lớn đối với kinh tế chính trị học chủ nghĩa Mác. Sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường là vấn đề hạt nhân trong phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, xuyên suốt toàn bộ quá trình cải cách mở cửa của Trung Quốc. Quá trình này sẽ còn tiếp diễn và sẽ đồng hành với việc hoàn thiện và phát triển không ngừng của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đồng hành với toàn bộ quá trình nền kinh tế Trung Quốc đi tới hiện đại hóa ■



MỘT SỐ KẾT QUẢ HỘI THẢO LÝ LUẬN LẦN THỨ BA GIỮA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN PHÁP

Thực hiện chương trình hợp tác giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Pháp, vừa qua, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hoàng Bình Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban đối ngoại Trung ương làm Trưởng đoàn với sự tham gia của lãnh đạo và cán bộ Hội đồng Lý luận Trung ương đã có chuyến thăm, làm việc và tổ chức Hội thảo lý luận lần thứ 3 giữa hai Đảng tại Paris, Pháp. Dưới đây là một số kết quả nổi bật rút ra từ hội thảo.

1. Đánh giá về tình hình thế giới, châu Âu và nước Pháp

Qua các tham luận và các ý kiến trao đổi, thảo luận của các đồng chí Pháp tại Hội thảo, cho thấy tình hình thế giới, châu Âu và tình hình chính trị nước Pháp thời gian qua thay đổi nhanh chóng, mạnh mẽ, hiện rất phức tạp, đứng trước rất nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có.

- Trên thế giới, khủng hoảng xã hội, khủng hoảng di cư, chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân túy, các trào lưu cực hữu xuất hiện ở nhiều nước. Cạnh tranh kinh tế, địa chính trị, chiến tranh thương mại mở rộng sang các lĩnh vực khác giữa các nước lớn diễn ra gay gắt, tái khởi động cuộc chạy đua

vũ trang mới. Thế giới từ đa cực chuyển sang vô cực, hỗn loạn; luật pháp quốc tế bị vi phạm, các định chế quốc tế đa phương bị thách thức, vai trò của Tổ chức Liên hợp quốc bị suy giảm. Mỹ thúc ép NATO tiến về hướng đông, chia rẽ châu Âu để áp đặt vai trò của Mỹ. Cuộc cách mạng công nghệ số gây đảo lộn nền sản xuất trên toàn cầu. Kinh tế thế giới bị chi phối, thống trị bởi các tập đoàn lớn. Chính phủ Mỹ tạo điều kiện cho các công ty, tập đoàn kinh tế của Mỹ bành trướng, định hình lại kinh tế thế giới và các định chế kinh tế quốc tế có lợi cho Mỹ. Toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghệ số hiện nay đều do các tập đoàn tư bản chi phối, vì lợi ích của các tập đoàn tư bản. Biến đổi khí hậu, an ninh mạng, an ninh thông tin trở thành thách thức mang tính toàn cầu. Mô hình quản trị, mô hình phát triển kinh tế cũ đã lỗi thời, không đáp ứng được yêu cầu phát triển; thế giới cần mô hình quản trị mới, trật tự kinh tế, tài chính mới phục vụ lợi ích của con người, của nhân dân, nhưng các thế lực tư bản chủ nghĩa tìm mọi cách

để ngăn cản xu hướng này để duy trì vị trí thống trị của mình.

- Châu Âu đang trải qua giai đoạn khủng hoảng trầm trọng nhất từ sau khi bức tường Berlin sụp đổ, có thể xem là cuộc khủng hoảng “cộng dồn” của nhiều cuộc khủng hoảng: khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng tài chính, khủng hoảng di cư, khủng hoảng chính trị, khủng hoảng mô hình phát triển. Cộng đồng châu Âu bị chia rẽ giữa các nước Đông Âu mới gia nhập cộng đồng với các nước Tây Âu, giữa các nước Nam Âu đứng trước nguy cơ vỡ nợ (Hy Lạp, Tây Ban Nha, Italia) với các nước Bắc Âu; Anh tách khỏi cộng đồng (Brexit). Sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, để cứu các ngân hàng và các tập đoàn kinh tế lớn, chính phủ các nước đều thực hiện chính sách “thắt lưng, buộc bụng”, tăng thuế, cắt giảm chi tiêu cho phúc lợi xã hội, tình trạng thiếu việc làm, đã làm tăng thêm những khó khăn cho cuộc sống của người lao động (ở châu Âu hiện nay, hơn 80 triệu người sống dưới mức nghèo đói), tích tụ những bất bình của người dân với chính phủ. Dòng người di cư từ các nước

Trung đông, Bắc Phi do các cuộc chiến tranh ở Syria, Iraq, Libya tràn vào các nước châu Âu và các vụ khủng bố đẫm máu do các phần tử hồi giáo cực đoan gây ra ở một số nước châu Âu làm cho trạng thái khủng hoảng xã hội ở các nước châu Âu thêm trầm trọng.

Các đảng chính trị truyền thống, các đảng cánh tả, đảng xã hội, xã hội dân chủ, đảng bảo thủ, từng nhiều năm là các đảng thay nhau cầm quyền ở nhiều nước châu Âu, đều suy giảm uy tín, suy giảm ảnh hưởng, mất đi sự ủng hộ của cử tri, mất đi vị trí là đảng cầm quyền trong các cuộc bầu cử Quốc hội ở nhiều nước và trong cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu vừa qua. Trong khi đó, các đảng xanh, đảng sinh thái đấu tranh bảo vệ môi trường và ủng hộ với biến đổi khí hậu và đặc biệt là các đảng cực hữu chống toàn cầu hóa, chống nhập cư, bài ngoại, xuất hiện ở hầu hết các nước châu Âu, ngày càng giành được sự ủng hộ của cử tri, trở thành lực lượng chính trị quan trọng, thành đảng tham chính ở nhiều nước và sau cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu vừa qua, đã trở thành lực

lượng chính trị có ảnh hưởng ở tầm châu lục.

- Nước Pháp, như nhiều quốc gia châu Âu khác, cũng đang trải qua những biến động lớn, khủng hoảng kinh tế, xã hội, chính trị nghiêm trọng. Trong các cuộc bầu cử Tổng thống Pháp, Quốc hội Pháp và bầu cử Nghị viện châu Âu vừa qua, các đảng cánh tả, cánh hữu truyền thống nhiều năm cầm quyền ở Pháp (Đảng Cộng sản Pháp, Đảng nước Pháp Bất khuất, Đảng Xã hội Pháp, Đảng Những người Cộng hòa) đều thất bại trước đảng cực hữu và Đảng Nền Cộng hòa tiến lên mới thành lập tháng 5/2017 (từ một phong trào được khởi xướng tháng 4/2016) của Tổng thống Emmanuel Macron. Trong cuộc bầu cử Nghị viện châu Âu tháng 5/2019 vừa qua, Đảng Tập hợp quốc gia của Marine Le Pen giành 23,4% phiếu bầu, có 24 ghế/74 ghế của nước Pháp, Đảng nền Cộng hòa Tiến lên của Tổng thống Emmanuel Macron được 22,4% phiếu, 22 ghế; trong khi, Đảng Xã hội Pháp chỉ được 6,43% phiếu bầu, được 6 ghế; Đảng Cộng sản Pháp chỉ được 2,64% phiếu bầu, không có đại biểu

nào trong Nghị viện châu Âu. Trong các đảng cánh tả, chỉ có Đảng Xanh, đấu tranh cho bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu tiếp tục giành được sự ủng hộ của cử tri, được 13,5% phiếu bầu, có 13 ghế trong Nghị viện châu Âu, đứng thứ 3 trong các Đảng ở Pháp.

Các đồng chí Pháp cho biết Đảng Cộng sản Pháp đã thảo luận, phân tích kỹ nguyên nhân của tình hình này. Có nguyên nhân là do công tác tổ chức tuyên truyền, vận động trong chiến dịch tranh cử chưa tốt. Nhưng nguyên nhân chính không phải ở đấy, mà nguyên nhân chính là do nỗi thất vọng sâu sắc của người dân với chính quyền của các Đảng truyền thống cầm quyền nhiều năm không thực hiện được lời hứa cải thiện đời sống của người dân và không có giải pháp cho những vấn đề mà người dân đặt ra hiện nay. Đối với một Đảng chính trị, giải quyết được những vấn đề mà người dân, cử tri đặt ra mới là con đường để tồn tại, phát triển. Trong khi, Đảng của Marine Le Pen chỉ tập trung vào chống nhập cư, chống toàn cầu hóa, bài ngoại để

bảo vệ nước Pháp, người Pháp; Đảng Xanh chỉ tập trung vào chống ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu; Đảng nền Cộng hòa Tiến lên trung dung, không tả, không hữu, với phong cách mới “đến từng ngõ, gõ cửa từng nhà, gặp gỡ, đối thoại với từng người” về những vấn đề mà họ quan tâm, đã thu hút được sự ủng hộ của cử tri.

Các đồng chí Đảng Cộng sản Pháp cho rằng mặc dù Tổng thống Emmanuel Macron và Đảng nền Cộng hòa Tiến lên của Tổng thống tuyên bố là trung dung, không tả, không hữu, nhưng thực tế ngày càng thiên hữu, đẩy mạnh tự do hóa kinh tế, tư nhân hóa các cơ sở kinh tế nhà nước, tăng thuế, trì hoãn cải cách lương hưu, bị chi phối bởi các tập đoàn tư bản lớn. Tình hình chính trị Pháp còn tiếp tục phức tạp. Phong trào “Áo vàng” nổ ra những tháng vừa qua là một biểu hiện cụ thể, phản ánh sự bất bình của người dân với các chính sách của chính phủ. Hoạt động của lực lượng “Áo vàng” hiện nay đã giảm xuống, nhưng có thể sẽ bùng phát bất kỳ lúc nào. Chủ nghĩa tư bản ở Pháp, ở

châu Âu đang ở giai đoạn khủng hoảng nghiêm trọng, không giải quyết được những mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt. Đây là cơ hội cho Đảng Cộng sản Pháp và các Đảng cánh tả.

Nhiệm vụ tới đây của Đảng Cộng sản Pháp là rút ra bài học từ những thất bại vừa qua, củng cố sự đoàn kết trong Đảng, đoàn kết các Đảng cánh tả ở Pháp, các lực lượng cánh tả ở châu Âu, lực lượng cánh tả trong Nghị viện châu Âu, trên cơ sở tôn trọng sự đa dạng, để đấu tranh với lực lượng cực hữu, bảo vệ quyền lợi của người lao động. Hiện nay, Đảng Cộng sản Pháp đang tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, lấy chữ ký của người dân phản đối kế hoạch tư nhân hóa sân bay quốc tế ở Paris, chống lại các đề án sửa đổi chính sách lương hưu, sửa đổi Hiến pháp do các Đảng cực hữu đang chuẩn bị; đề xuất với chính phủ, Quốc hội Pháp các biện pháp quản lý hoạt động và thu thuế các công ty nước ngoài, nhất là các công ty công nghệ cao, đang hoạt động tại Pháp, bảo vệ lợi ích của nước Pháp, người lao động Pháp.

Thông qua các hoạt động đó để nâng cao uy tín của Đảng, chuẩn bị cho cuộc bầu cử đại biểu các hội đồng địa phương ở Pháp sẽ tổ chức vào tháng 3/2020. Đảng Cộng sản Pháp hy vọng sẽ có kết quả tốt ở cuộc bầu cử quan trọng này.

2. Về những vấn đề lớn của nước Pháp

Đảng Cộng sản Pháp cho rằng toàn cầu hóa là xu thế khách quan, tất yếu, nhưng hiện nay, toàn cầu hóa đang bị giới tư bản, các tập đoàn tư bản chi phối, để mở rộng phạm vi hoạt động, bóc lột của tư bản trên phạm vi toàn cầu; do đó, sẽ làm cho tăng thêm mâu thuẫn giữa người lao động và giới tư bản trên thế giới. Hiện nay, nhiều tập đoàn tư bản lớn, trong đó có những tập đoàn công nghệ nước ngoài đầu tư ở Pháp (như Google, Facebook, Youtube...) thu được lợi nhuận rất lớn từ nước Pháp nhưng có rất nhiều cách để trốn thuế, không có đóng góp gì cho nước Pháp. Các đại biểu Quốc hội của Đảng Cộng sản Pháp đang xây dựng dự thảo Luật trình Quốc hội để quản lý hoạt động, thu được thuế đối với các tập đoàn này.

Đảng Cộng sản Pháp cho rằng mục đích tối thượng của kinh tế thị trường là lợi nhuận, phát triển kinh tế thị trường nhất định dẫn đến bóc lột, phân hóa giàu nghèo, bất công, mâu thuẫn xã hội, nên không chấp nhận kinh tế thị trường, nhất là kinh tế thị trường tự do. Hiện nay, Đảng Cộng sản Pháp đang tích cực tuyên truyền, vận động, đã lấy được 7 triệu chữ ký của người dân phản đối kế hoạch tư nhân hóa sân bay của chính phủ Pháp.

Đảng Cộng sản Pháp ủng hộ việc tiếp nhận người nước ngoài xin nhập cư, xem đó là vấn đề nhân đạo, là vấn đề quyền con người mà những người Cộng sản có nghĩa vụ phải thực hiện và cho rằng thực ra chỉ có khoảng 1,5 triệu người tỵ nạn xin nhập cư vào châu Âu, chưa bằng 0,2% dân số châu Âu, nên không phải là vấn đề lớn, báo chí, lực lượng cánh hữu đã thổi phồng vấn đề này để trục lợi.

Đảng Cộng sản Pháp ủng hộ phong trào “Áo vàng”, xem đó là cuộc đấu tranh của những người lao động chống lại các chính sách thiên hữu, phục vụ lợi ích của giới tư bản,

gây thiệt hại tới người lao động. Tuy nhiên, Đảng Cộng sản Pháp không đồng tình với các hành động cực đoan, quá khích, gây bạo động, đập phá của người biểu tình, cho rằng đó là do những phần tử cực đoan trà trộn vào kích động và trực tiếp gây ra.

- Lập trường của Đảng Cộng sản Pháp về bảo vệ môi trường, chống lại, giảm thiểu tác hại của biến đổi khí hậu toàn cầu là rõ ràng, nhất quán, xem đấu tranh bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Đảng; cho rằng giải quyết vấn đề môi trường phải theo nguyên tắc lấy con người làm trung tâm, phục vụ con người, phản đối lập trường dân túy về phát triển “chủ nghĩa tư bản xanh” là giải pháp cho vấn đề môi trường. Đồng thời Bọn cho rằng, lập trường của Đảng Cộng sản Pháp về bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu là rõ ràng, nhất quán và đúng đắn, nhưng Đảng chưa làm cho người dân Pháp hiểu rõ lập trường của Đảng, chưa lôi kéo được người dân ủng hộ Đảng mà chỉ ủng hộ Đảng

Xanh. Đây là vấn đề Đảng phải rút kinh nghiệm.

3. Về tình hình Việt Nam

Trong quá trình Hội thảo, Bạn đã nêu ra nhiều vấn đề để trao đổi, thảo luận và nhiều câu hỏi để nghị Đoàn Việt Nam nói rõ thêm. Trong đó, tập trung vào một số vấn đề lớn là:

- Về quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhất là về tình hình Biển Đông và quan điểm của Việt Nam về giải quyết vấn đề này. Bạn bày tỏ thái độ ủng hộ quan điểm và cách xử lý vấn đề của Việt Nam.

- Về quan hệ giữa các nước trong ASEAN hiện nay và dự báo trong những năm tới, nhất là trong bối cảnh có sự cạnh tranh ngày càng căng thẳng giữa Mỹ và Trung Quốc ở trong khu vực này.

- Bạn bày tỏ sự khâm phục trước thành tựu đổi mới của Việt Nam trong những năm vừa qua và đề nghị phía Việt Nam cho biết những yếu tố nào, những động lực nào để Việt Nam đạt được những thành tựu phát triển này. Bạn hỏi về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam là thế nào và bày tỏ sự băn khoăn về việc phát triển kinh tế thị

trường lại có thể dung hợp được với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; làm thế nào mà Việt Nam lại thuyết phục được các nước công nhận nền kinh tế Việt Nam là kinh tế thị trường?

- Về lĩnh vực xã hội, Bạn hỏi về mức độ phân hóa giàu - nghèo trong xã hội ở Việt Nam, các biện pháp mà Việt Nam đã thực hiện để giải quyết vấn đề này; về tình hình và kết quả thực hiện chính sách “xóa đói, giảm nghèo” ở Việt Nam; về công tác quản lý mức tăng dân số ở Việt Nam những năm vừa qua, mà bạn cho rằng rất thành công, cần được phổ biến để các nước khác tham khảo, học tập.

- Một số đồng chí Pháp hỏi về vấn đề bảo vệ môi trường và chống lại những tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam thế nào, khi Việt Nam là một trong những quốc gia được đánh giá là chịu ảnh hưởng rất lớn của biến đổi khí hậu và Việt Nam là quốc gia đã tham gia Tuyên bố Paris về biến đổi khí hậu.

Các thành viên Đoàn Việt Nam đã trả lời và trao đổi, thảo luận về những vấn đề Bạn nêu lên ■

TỌA ĐÀM

“MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2025 VÀ 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045”



Phục vụ cho việc biên tập Dự thảo các Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng, ngày 10/8, Thường trực Tổ Biên tập Văn kiện Đại hội tổ chức tọa đàm khoa học “Mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2025 và 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận

Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thường trực Tiểu ban Văn kiện chủ trì tọa đàm.

Phát biểu để dẫn tọa đàm, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nêu rõ: Thời gian qua, Tổ biên tập Tiểu ban Văn kiện và Tổ biên tập Tiểu ban Kinh tế - xã hội đã nỗ lực để dự thảo các văn kiện rất quan trọng trình

Đại hội lần thứ XIII của Đảng. Như chỉ đạo của đồng chí Tổng bí thư, Chủ tịch nước: “Báo cáo Chính trị là văn kiện trung tâm của Đại hội”; trong Báo cáo Chính trị có nội dung tổng kết 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011, đặt trong giai đoạn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991; có nội dung đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 cũng như kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ XII giai đoạn 2016-2021.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng nhấn mạnh: Đại hội XIII chưa đặt ra vấn đề sửa đổi Cương lĩnh, song những tổng kết về mặt lý luận và thực tiễn, những đánh giá kết quả thực hiện nói trên là yếu tố quan trọng để triển khai Cương lĩnh tốt hơn, hiệu quả hơn và phù hợp với thực tiễn đang thay đổi rất nhanh chóng, để đạt được mục tiêu cao nhất mà Cương lĩnh đã đề ra là xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Việc xác định các mục tiêu phát triển đất nước trong 5 năm, 10 năm tới, tầm nhìn đến 2045 phù hợp, đảm bảo tính thực tiễn và khả thi là rất quan trọng bởi đây là cơ sở để xác định chính xác những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động của toàn Đảng, toàn dân. Tuy nhiên, đến nay, vấn đề hệ trọng này vẫn còn những ý kiến khác nhau. Tựu chung có hai loại ý kiến.

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng: Từ Đại hội VIII đến nay, trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), trong các văn kiện Đại hội, một số nghị quyết Trung ương, Bộ Chính trị từ khóa IX đến khóa XII, trong ý tưởng của Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2001-2010, Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020 đều nhấn mạnh mục tiêu trở thành một nước công nghiệp. Theo đó, xác định mục tiêu phấn đấu đưa nước ta trở thành nước công nghiệp hiện đại với ba mốc quan trọng: đến năm 2025, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2030, trở thành nước công

ng nghiệp theo hướng hiện đại; đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng cần tham khảo cách phân loại các quốc gia theo xu hướng hiện nay của các tổ chức quốc tế. Các Văn kiện trình Đại hội XIII cần diễn đạt mục tiêu phù hợp với những thay đổi trong quá trình phát triển đất nước, đảm bảo tính khoa học, khả thi và thực tiễn trong đó có việc đáp ứng yêu cầu được thừa nhận bởi cộng đồng quốc tế và có thể so sánh được với mặt bằng phát triển chung của thế giới. Với cách đặt vấn đề như vậy, nhóm ý kiến thứ hai cho rằng nên xác định mục tiêu theo trình độ phát triển.

Đề cương Báo cáo chính trị xác định hai phương án: Phương án 1 phần đầu đưa nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045 với lộ trình theo 3 mức. Phương án 2 phần đầu trở thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa với lộ trình theo 3 mức.

Đề cương Báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế -

xã hội 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030 xác định ba phương án mục tiêu, trong đó có điểm chung là: đến năm 2030 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đến năm 2045 trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

“Cương lĩnh đề ra mục tiêu tổng quát, cuối cùng là xây dựng chủ nghĩa xã hội, còn chúng ta đang nói đến những mục tiêu tuy dài hạn song vẫn là những mục tiêu phát triển trung gian để đạt được mục tiêu cuối cùng mà Cương lĩnh đề ra. Do vậy, cần thảo luận để triển khai thực hiện Cương lĩnh tốt hơn, hiệu quả hơn và phù hợp hơn trong giai đoạn tới” - đồng chí Nguyễn Xuân Thắng lưu ý.

Tại tọa đàm, các đồng chí Thường trực Tổ biên tập Tiểu ban Văn kiện, Tổ biên tập Tiểu ban Kinh tế- xã hội, Nhóm tổng hợp chung, các chuyên gia đã trao đổi, thảo luận, từ đó có thêm thống nhất trong việc xác định mục tiêu, tầm nhìn phát triển đất nước trong dự thảo các văn kiện trình Đại hội lần thứ XIII của Đảng ■

PV

HỘI THẢO LÝ LUẬN LẦN THỨ VII GIỮA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ ĐẢNG NHÂN DÂN CÁCH MẠNG LÀO

Thực hiện Thỏa thuận giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; triển khai chương trình hợp tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn giữa hai Đảng, Hội thảo Lý luận lần thứ VII giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào với chủ đề “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới” đã diễn ra tại tỉnh Quảng Bình trong 2 ngày 30 và 31/7.

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Võ Văn Thường, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương làm Trưởng đoàn.

Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào do đồng chí Kikeo Khaykham Phithoune, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Khoa học xã hội Quốc gia Lào làm Trưởng đoàn.

Cùng tham dự hội thảo còn có các đồng chí Somsavat Lengsavad, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào về công tác nghiên cứu lý luận, thực tiễn của Đảng; Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh; lãnh đạo các ban, bộ, ngành, địa phương, các nhà khoa học của Việt Nam và Lào.

Phát biểu tại phiên khai mạc, đồng chí Võ Văn Thường khẳng định, Hội thảo lần này là hoạt động có ý nghĩa hết sức quan trọng, diễn ra trong bối cảnh công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đang được hai Đảng, hai nước đặc biệt quan tâm và đang tiến hành tổng kết về lý luận và thực tiễn để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc của mỗi Đảng.

Đồng chí nhấn mạnh, Đảng Cộng sản Việt Nam xác định xây dựng Đảng

là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa quyết định bảo đảm sự thành công của công cuộc đổi mới. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và cầm quyền của Đảng, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức có vai trò rất to lớn, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân, là trung tâm của toàn bộ công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; việc thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là yếu tố quan trọng hàng đầu bảo đảm sự phát triển của Đảng, điều này đã được khẳng định qua thực tiễn cách mạng giải phóng dân tộc, cũng như thực tiễn công cuộc đổi mới đất nước hơn 30 năm qua.

Đồng chí Võ Văn Thưởng nêu bật những kết quả quan trọng trong việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng nói chung, xây dựng Đảng về chính trị,

tư tưởng nói riêng trở thành điều kiện, tiền đề cho những thành tựu quan trọng về kinh tế-xã hội.

Đồng chí cũng nêu rõ những hạn chế và rút ra một số bài học kinh nghiệm, đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh thời gian tới.

Trong phát biểu đề dẫn tại hội thảo, đồng chí Kikeo Khaykham Phithoune đánh giá cao ý nghĩa của việc hai Đảng lựa chọn chủ đề “Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới” cho cuộc hội thảo lần này. Đồng chí khẳng định cuộc hội thảo diễn ra trong bối cảnh hai Đảng đang chuẩn bị tổ chức Đại hội toàn quốc của mỗi Đảng, do đó sẽ góp phần phục vụ việc tổng kết lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị.

Đồng chí nhấn mạnh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới là vấn đề quan trọng và cấp thiết nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát huy vai trò, tính chủ động

của các đoàn thể chính trị-xã hội nhằm hoàn thành mục tiêu xây dựng và phát huy chế độ dân chủ nhân dân; nêu bật những thành tựu về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong công cuộc đổi mới.

Đồng thời, đồng chí chỉ ra một số hạn chế, rút ra một số bài học kinh nghiệm và đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp về công tác xây dựng Đảng của Lào trong thời gian tới, đó là: Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và tính tiên phong gương mẫu của Đảng, xứng đáng là hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân; tiếp tục củng cố, hoàn thiện nhà nước dân chủ nhân dân quản lý bằng pháp luật, là nhà nước của dân, do dân và vì dân; rà soát củng cố và hoàn thiện tổ chức và hoạt động của cơ quan Mặt trận Lào; xây dựng đất nước, các tổ chức chính trị-xã hội theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Sau hai báo cáo đề dẫn của hai đồng chí Trưởng đoàn, các đồng chí lãnh đạo, nhà lý luận, nhà khoa học của hai Đảng đã trình bày 10 báo cáo tham luận tập trung đề cập những

vấn đề cốt yếu, quan trọng nhất của công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị của mỗi Đảng. Các báo cáo tại hội thảo đã được hai bên trao đổi, thảo luận sôi nổi và đi sâu phân tích thực trạng, giải pháp của mỗi nước, qua đó làm sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận cấp thiết mà hai nước cùng quan tâm. Các tham luận cũng chỉ rõ, nhấn mạnh vai trò then chốt của Đảng trong lãnh đạo đất nước, nêu bật tính tiên phong của Đảng trong quá trình lãnh đạo công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong tình hình mới ở Việt Nam, Lào.

Kết quả cuộc hội thảo có ý nghĩa thiết thực, sâu sắc cả về lý luận và thực tiễn. Những nghiên cứu của các nhà khoa học được trình bày và thảo luận tại hội thảo giúp cơ quan nghiên cứu lý luận của Việt Nam, Lào nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách cũng như trong chỉ đạo thực tiễn về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị. Từ đó góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội của mỗi Đảng và thành công trong công cuộc đổi mới ở mỗi nước ■

ĐOÀN TIỂU BAN VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG LÀM VIỆC VỚI ĐẢNG ỦY KHỐI DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

Sáng 2-8, tại Hà Nội, Đoàn Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng do đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Thường trực Tiểu ban làm trưởng đoàn, có buổi làm việc với Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương

Phát biểu tại buổi làm việc, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng cho biết, cần xuất phát từ thực tiễn triển khai các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị khi đánh giá lại những kết quả đã đạt được, đặc biệt, làm rõ những khó khăn, vướng mắc của các tập đoàn, tổng công ty trong thời gian qua. Trên cơ sở đó, tìm ra nguyên nhân, đề xuất định hướng và nghiên cứu giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động điều hành của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

Theo báo cáo của Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương, các doanh nghiệp Trung ương hiện nay giữ vị trí quan trọng và ảnh hưởng lớn đến những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như: Điện, than, dầu khí, công nghiệp cao su, tín dụng ngân hàng, tài chính bảo hiểm, vận tải, dệt may... Doanh nghiệp nhà nước cũng giữ vai trò điều tiết, ổn định nền kinh tế vĩ mô, ổn định giá cả, vật tư, hàng hóa. Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước đóng gần 1/4 tổng thu ngân sách quốc gia, góp phần quan trọng đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho gần 1 triệu lao động, xây dựng thành công nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Các tập đoàn, tổng công ty đã thể hiện tốt vai trò, trách nhiệm của mình với cộng đồng khi đi đầu trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên

địa bàn cả nước. Bên cạnh đó, các đảng ủy trực thuộc đã tập trung lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, đảm bảo sản xuất, kinh doanh... Công tác xây dựng Đảng luôn được quan tâm, đạt được nhiều kết quả quan trọng, vai trò lãnh đạo của Đảng ủy khối và các đảng ủy trực thuộc trong các doanh nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc khối được nâng lên... Tuy nhiên, hoạt động của các doanh nghiệp khối Trung ương thời gian qua vẫn gặp nhiều khó khăn về cơ chế, chính sách, nhận thức của xã hội về vai trò của doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự sâu sắc, dẫn tới những đánh giá mang tính tiêu cực, thậm chí phủ nhận vai trò chủ đạo của nền kinh tế nhà nước.

Từ thực tế đó, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương đã có những kiến nghị, đề xuất như: Đề nghị Chính phủ xem xét cho tổng rà soát lại các văn bản luật, nghị định, quy định của Nhà nước liên quan đến doanh nghiệp nhà nước để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị sửa đổi cho đồng bộ, thống nhất với chủ trương của đảng. Chính phủ sớm điều chỉnh, sửa đổi Nghị định 97 và

Nghị định 106; cho rà soát, sửa đổi, bổ sung toàn bộ các văn bản, quy định về công tác cán bộ trong doanh nghiệp nhà nước cho phù hợp với các quy định mới của Đảng; đề nghị có quy định về thời gian tối đa kiện toàn lãnh đạo chủ doanh nghiệp nhà nước; sớm có quy định về cơ chế Nhà nước đặt hàng khi doanh nghiệp nhà nước tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội do Nhà nước giao, thực hiện phương thức lựa chọn cạnh tranh công khai. Các cơ quan nghiên cứu, xây dựng Đề án đổi mới phương thức lãnh đạo, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước. Ngoài ra, Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương cũng đề nghị Chính phủ nghiên cứu mô hình hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) để tối ưu hóa mô hình hoạt động quản lý đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước... Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng ghi nhận những kiến nghị của Đảng ủy Khối doanh nghiệp Trung ương để báo cáo với Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII của Đảng ■

PV

VIỆT NAM - CANADA TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM TỔ CHỨC, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Từ ngày 22 đến 26/7, đoàn Hội đồng Lý luận Trung ương do GS.TS Tạ Ngọc Tấn, Phó Chủ tịch Hội đồng đã có chuyến thăm và làm việc tại Canada nhằm nghiên cứu, trao đổi một số vấn đề thực tế về tổ chức, quản lý nhà nước, quản lý phát triển xã hội trong điều kiện xã hội hiện nay.

Đoàn đã có cuộc làm việc, tọa đàm khoa học và trao đổi thông tin với các nhà quản lý, các học giả của Tòa Thị chính Ottawa, Hiệp hội các thành phố của Canada, Đại học Carleton, Đại học Ottawa, Học viện Quản trị Canada, Đại học York và Đại học Toronto.

Canada là một quốc gia phát triển, tài nguyên thiên nhiên giàu có, nền kinh tế đứng vào nhóm hàng đầu thế giới, xếp thứ hạng cao về giáo dục, y tế, chỉ số phát triển con người. Canada cũng là một quốc gia đa sắc tộc, đa dạng về văn hoá hàng đầu thế giới.

Cơ chế tổ chức hệ thống chính quyền của Canada cho phép phát huy tối đa quyền tự chủ, sự năng động, năng lực sáng tạo và phát huy tốt nhất động lực phát triển của mỗi địa phương.

Đồng thời, cơ chế đó cũng tạo điều kiện cho sự giám sát, kiểm soát lẫn nhau giữa chính quyền liên bang và chính quyền các tỉnh bang, khu vực lãnh thổ, hạn chế đến mức thấp nhất sự lợi dụng quyền lực nhà nước dẫn đến tham nhũng, lãng phí, đảm bảo sự công bằng trong sử dụng ngân sách và các nguồn lực chung của quốc gia.

Dưới tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và quá trình chuyển đổi kinh tế số, Canada cũng đứng trước nhiều thách thức về công tác tổ chức, quản lý nhà nước, hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách nhằm giải quyết nhiều vấn đề mới đặt ra, thích ứng với tình hình, cải

thiện cuộc sống cho người dân, duy trì sự phát triển bền vững của xã hội.

Nổi bật nhất trong những thay đổi là chính sách đổi mới quản trị, xã hội hóa nguồn lực phát triển xã hội, nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính của Nhà nước và xã hội cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, giải quyết các dịch vụ ở các cộng đồng, hỗ trợ khu vực nông thôn, vùng xa xôi, khó khăn về điều kiện tự nhiên, khí hậu.

Chính phủ Canada cũng đã phân bổ một nguồn ngân sách nhằm khuyến khích thu hút nguồn lực, nhất là nguồn vốn trong xã hội vào các dự án phát triển hạ tầng, các dịch vụ công cộng trong các cộng đồng dân cư.

Canada có chương trình xây dựng đô thị thông minh 2.0 nhằm ứng dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại và công nghệ số để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, trong đó tập trung ưu tiên giải quyết bốn vấn đề đang đặt ra ở các đô thị là quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phát triển du lịch bền vững, bảo vệ môi trường và xử lý rác thải.

Trong các cuộc làm việc, tọa đàm khoa học, đoàn Hội đồng Lý luận

TW đã tìm hiểu sâu sắc, cụ thể về tổ chức, cơ chế vận hành, hiệu quả thực tế và những vấn đề đặt ra trong hoạt động của hệ thống chính quyền các cấp; công tác dự báo, tập hợp, quản lý và phân tích dữ liệu phục vụ xây dựng chính sách; nội dung, điều kiện thực hiện và hiệu quả thực tế của các chính sách đổi mới quản lý phát triển xã hội của Canada, nhất là chính sách đảm bảo nhà ở, việc làm, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và bảo vệ, phát triển nền văn hoá đa dạng.

Đoàn cũng trao đổi với các nhà quản lý, các học giả Canada một số vấn đề chung về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng, phát triển đất nước, quản lý phát triển xã hội, phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, về hội nhập quốc tế, mở rộng hợp tác phát triển về mọi mặt với các nước trên thế giới.

Trong thời gian làm việc tại Canada, Đoàn đã đến thăm và trao đổi với cán bộ, nhân viên Đại sứ quán Việt Nam tại Canada một số vấn đề thời sự trong nước, nhất là tình hình phát triển kinh tế-xã hội 6 tháng đầu năm ■

TỌA ĐÀM KHOA HỌC “NHẬN DẠNG CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH HIỆN NAY”

Nhằm tiếp tục xây dựng, cung cấp các luận cứ khoa học phục vụ cho nhiệm vụ đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, vừa qua, Hội đồng Lý luận Trung ương đã tổ chức tọa đàm khoa học “Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay”. Tham dự tọa đàm có các nhà khoa học, quản lý đến từ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và một số cơ quan khoa học khác.

Phát biểu đề dẫn của GS.TS Vũ Văn Hiến, Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhấn mạnh: trong thời điểm hiện nay, toàn Đảng đang triển khai những nhiệm vụ trọng đại chuẩn bị cho Đại hội XIII, đó cũng là dịp các thế lực thù địch đẩy mạnh những hoạt động

chống phá cách mạng nước ta mà một trong những trọng điểm là chống phá về tư tưởng. Tình hình đó đặt ra những trách nhiệm nặng nề đối với cuộc đấu tranh tư tưởng, trong đó đấu tranh chống các luận điệu sai trái, thù địch càng trở thành một trong những nhiệm vụ bức thiết. Để thực hiện tốt trọng trách này, vấn đề nhận diện các loại luận điệu sai trái, thù địch là hết sức cần thiết. Báo cáo đề dẫn đã nêu ra 3 dạng luận điệu sai trái, thù địch để từ đó có những giải pháp xử lý cụ thể và thích hợp, đó là:

1- Những luận điệu sai trái do các thế lực thù địch tác động tuyên truyền

Có thể nêu ra một số xu hướng mà các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện truyền bá những luận điệu sai trái:

- Tấn công vào nền tảng tư tưởng của chúng ta - chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh;

- Phủ định nền tảng tư tưởng; phủ định học thuyết Mác - Lênin;

- Phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng Hồ Chí Minh chỉ là người dân tộc chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm phương tiện; đưa chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam là một sai lầm lịch sử...

- Phủ định các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, cho rằng hình thái kinh tế xã hội chỉ là một lý thuyết về CNXH không tưởng, không bao giờ thực hiện được;

- Phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng CSVN, bôi nhọ lãnh đạo và xuyên tạc đường lối của Đảng;

- Phủ nhận sứ mạng lịch sử của giai cấp công nhân; phủ nhận mục tiêu, lý tưởng, con đường đi lên CNXH, phê phán triệt để, bôi đen CNXH hiện thực, bác bỏ con đường XHCN, công khai ca ngợi con đường TBCN.

- Triệt để lợi dụng vấn đề nhân quyền để chống phá Đảng và nước ta;

2- Những luận điệu sai trái do các

phần tử phản động, thoái hóa, cơ hội chính trị, bất mãn gây ra.

3. Những luận điệu sai trái hình thành do trình độ nhận thức chính trị kém.

Sau báo cáo đề dẫn, các đại biểu dự Tọa đàm đã nghe báo cáo của Bộ Công an “ Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch trong lĩnh vực đời sống kinh tế-xã hội ở nước ta hiện nay”; báo cáo của Bộ Quốc phòng “Nhận dạng các quan điểm sai trái chống phá đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước”.

Tại Tọa đàm, các nhà khoa học đã có nhiều trao đổi làm rõ hơn những dạng biểu hiện của các quan điểm sai trái, thù địch trong thời gian qua; nhấn mạnh sự cần thiết phải nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh hiện nay, bước đầu đề xuất, trao đổi về những giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ đấu tranh chống các luận điệu sai trái, thù địch phục vụ thiết thực cho việc chuẩn bị tiến tới Đại hội XIII của Đảng ■